



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CHUNG 3

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	4
Điểm nhấn hoạt động năm 2023	7
Thông tin Doanh nghiệp	9
Sứ mệnh – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi	10
Lịch sử phát triển	11
Lĩnh vực hoạt động	12
Mạng lưới hoạt động	13
Giải thưởng tiêu biểu	14
Mô hình tổ chức	16
Nhân sự chủ chốt	17

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2024 22

Môi trường kinh doanh	23
Kết quả kinh doanh 2024	24
Hoạt động quản trị rủi ro	25

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 28

Hội đồng Quản trị	29
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	34
Báo cáo của Ban Kiểm soát	37
Báo cáo của Ban Điều hành	40
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	48

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 50

Tổng quan	51
Các chỉ số phát triển bền vững	53
Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan	55
Cơ chế tiếp nhận ý kiến và đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan	57
Đánh giá các vấn đề trọng yếu	64
Định hướng phát triển bền vững	71

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 72

GIỚI THIỆU CHUNG

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác và CBNV MBS,

Thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2024 với nhiều biến động đáng chú ý. VN-Index chốt phiên cuối năm ở mốc 1.266,78 điểm, tăng trưởng 12,1% so với năm 2023. Mặc dù có giai đoạn tăng điểm tốt trong quý I, thị trường sau đó đi ngang trong gần 9 tháng. Thanh khoản thị trường bình quân cả năm ở mức 21.000 tỷ và giảm mạnh còn 15.000 tỷ trong Q4.2024. Khối ngoại bán ròng gần 3,6 tỷ USD, đây là con số cao gấp 4 lần năm 2023. Dù chịu ảnh hưởng tiêu cực từ nhiều yếu tố ngoại cảnh, chính phủ và các cơ quan chức năng đã có những động thái tích cực nhằm hướng đến việc nâng hạng thị trường. Tính đến cuối năm, Việt Nam đã đạt 9,2 triệu tài khoản chứng khoán, chiếm 9,3% dân số, vượt mục tiêu đề ra trong Đề án Cơ cấu lại thị trường chứng khoán. Đây là nền tảng quan trọng cho những bước tiến trong tương lai.

Năm 2024 là một năm đầy thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo quyết liệt và tinh thần đoàn kết của tập thể CBNV, MBS đã đạt được những kết quả ấn tượng. Cụ thể: Doanh thu đạt 3.131 tỷ đồng, tăng 71% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt 930,6 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2023, và đây là mức lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động của Công ty. Thị phần HSX tăng từ mức 4,69% trong Quý 3 lên 5,16% trong Quý 4/2024, vươn lên vị trí thứ 6; thị phần HSX cả năm 2024 đạt 4,89% trong TOP7; đồng thời thị phần HNX duy trì vị trí TOP5. MBS hiện đang quản lý 570 nghìn tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, với giá trị tài sản ròng bình quân của khách hàng đạt trên 45.000 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu cuối kỳ đạt 6.909 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ 2023. Tổng tài sản đạt ~ 22,1 nghìn tỷ, tăng 44% so với năm 2023.

Hoạt động chuyển đổi số mọi mặt hoạt động tiếp tục được chú trọng đầu tư nâng cấp, cải tiến và đạt nhiều kết quả tích cực như: Hoàn thành dự án chuyển hệ thống lõi giao dịch chứng khoán cơ sở Newcore; Phát triển nhiều tính năng, sản phẩm mới trên App...



“Với phương châm hành động: “Tăng tốc - Bền vững - Hiệu quả” và phân đầu tăng trưởng mạnh mẽ về hiệu quả kinh doanh, MBS dự kiến lợi nhuận trước thuế đạt 1.300 tỷ đồng và ROE tối thiểu 14,3%”.

việc này giúp cho MBS Mobile App có thời điểm được xếp hạng Top 1 dành cho App các công ty chứng khoán trên cả 2 nền tảng App Store và Google Play.

Hoạt động chuyển đổi số mọi mặt hoạt động tiếp tục được chú trọng đầu tư nâng cấp, cải tiến và đạt kết quả tích cực như: Hoàn thành dự án chuyển hệ thống lõi giao dịch chứng khoán cơ sở - Newcore; Phát triển nhiều tính năng/sản phẩm mới trên App..., việc này giúp cho MBS Mobile App có thời điểm được xếp hạng Top 1 dành cho App các công ty chứng khoán trên cả 2 nền tảng App Store và Google Play. Theo đó, trong năm 2024 MBS đã vinh dự nhận Giải thưởng quốc tế Đơn vị Môi giới chứng khoán số tốt nhất Việt Nam do Tổ chức Alpha Southeast Asia bình chọn; Giải thưởng Sao Khuê dành cho MBS Mobile App; Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở; Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Hoạt động quản trị và điều hành của Công ty đạt được nhiều kết quả nổi bật, cụ thể: (1) MBS tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai các sáng kiến chiến lược trong giai đoạn 2022-2026; (2) Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông và tăng vốn điều lệ từ 4.376 tỷ đồng lên 5.728 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh; (3) Tiếp tục đầu tư công nghệ mạnh mẽ và thúc đẩy hoạt động Kinh doanh số để bảo đảm an ninh an toàn thông tin và tăng trải nghiệm khách hàng; (4) Kiểm soát chặt chẽ danh mục chứng khoán cho vay, điều chỉnh kịp thời trong điều kiện thị trường biến động mạnh đảm bảo an toàn cho Công ty.

Đạt được kết quả khả quan đó, bên cạnh sự lãnh đạo đúng đắn của Hội đồng quản trị MBS, phải kể đến sự định hướng và hỗ trợ từ phía Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) cộng với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV trong công ty. Kết quả này cũng khẳng định được định hướng chiến lược đề ra là hoàn toàn đúng đắn và sẽ là tiền đề quan trọng cho MBS phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo. Bước sang năm 2025, với những dự báo lạc quan về thị trường chứng khoán, MBS đang tiếp tục triển khai miễn phí giao dịch cổ phiếu cho khách hàng mở mới tài khoản giao dịch trên kênh online. Bên cạnh đó, MBS sẽ tận dụng nguồn vốn để đem đến cho nhà đầu tư thêm nhiều ưu đãi như linh hoạt lựa chọn các gói vay margin lãi suất thấp, tư vấn chuyên sâu và nhiều sản phẩm khác.

MBS không chỉ là một tổ chức tài chính, mà còn là đối tác đáng tin cậy, người đồng hành trên con đường chuyển đổi số. Chúng tôi cam kết không ngừng phát triển và cung cấp những sản phẩm, dịch vụ thông minh nhất để hỗ trợ quý khách hàng vượt qua mọi thách thức và tận dụng mọi cơ hội đầu tư.

Trong năm 2025, với phương châm hành động: “Tăng tốc - Bền vững – Hiệu quả”, toàn thể Ban lãnh đạo và CBNV MBS quyết tâm nỗ lực hành động để đạt được những mục tiêu lớn như sau: Doanh thu đạt 3.370 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.300 tỷ đồng, và ROE tối thiểu 14,3% thông qua việc: (1) Tiếp tục duy trì các chính sách và tìm thêm các giải pháp nhằm thúc đẩy thị phần; (2) Lựa chọn cơ hội đẩy mạnh quy mô hoạt động tự doanh cổ phiếu, trái phiếu; (3) Đẩy mạnh mô hình kinh doanh số, tăng tốc thu hút khách hàng, gia tăng tỷ lệ khách hàng active; (4) Tập trung khai thác tập khách hàng MB, tăng cường digital marketing và nâng cao chất lượng các sản phẩm/dịch vụ trên cơ sở phân tích sâu chân dung khách hàng; (5) Phát huy vai trò triển khai các nghiệp vụ của Công ty chứng khoán trong mô hình kinh doanh trái phiếu của Tập đoàn.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh liên tục biến động, chúng ta không thể giữ nguyên mô hình truyền thống mà cần phải thay đổi linh hoạt, thích nghi nhanh và đổi mới. MBS cam kết đồng hành cùng Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác trong hành trình này. Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và nhân sự để cung cấp nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất cho khách hàng.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV MBS đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng MBS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Lê Việt Hải



ĐIỂM NHẤN HOẠT ĐỘNG NĂM 2024**THỊ PHẦN**

Thị phần cơ sở 2024 đạt **4,89%**, duy trì TOP 7 HSX và TOP 5 HNX
(Quý 4.2024 đạt TOP 6 HSX)

Thị phần phái sinh năm 2024 đạt 4,27%, **tăng 02 bậc** và đứng vị trí TOP 5

DƯ NỢ

Dư nợ DVTC cuối năm 2024 đạt **10.294 tỷ đồng**, tăng **12%** so với 2023 và đạt mức **CAO NHẤT** kể từ khi thành lập

LỢI NHUẬN

Lợi nhuận 2024 đạt **930,6 tỷ đồng**, đạt **KỶ LỤC** trong lịch sử phát triển của MBS

VỐN HÓA

Giá trị vốn hóa **CAO NHẤT** trong lịch sử hoạt động, một số thời điểm vượt **17.000 tỷ đồng**

ĐIỂM NHẤN NĂM 2024 (tiếp theo)**TỔNG
TÀI
SẢN**

Tổng tài sản đạt hơn **22.131** tỷ đồng, mức **CAO NHẤT** trong lịch sử phát triển của MBS

ROE

ROE đạt **12,4%** nằm trong **TOP 3** nhóm 10 công ty CK có thị phần cao nhất HSX

**CÔNG
NGHỆ**

Hoàn thành nâng cấp **HỆ THỐNG CORE CƠ SỞ** theo phương án tự triển khai làm chủ hệ thống tăng khả năng xử lý lên 2 triệu lệnh/ngày

Các sản phẩm nổi bật: Liên kết sức mua với tài khoản MBB, ra mắt **DOLPHIN AI** - trợ lý tư vấn đầu tư chứng khoán sử dụng công nghệ AI **ĐẦU TIÊN** tại Việt Nam

**NỢ
XẤU**

Duy trì tỷ lệ nợ xấu dịch vụ tài chính ở mức **0%** trong **13** năm liên tiếp

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Sau 25 năm thành lập bởi bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long), đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Với thế mạnh là công ty chứng khoán hoạt động từ những ngày đầu thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam và là thành viên của Tập đoàn MB – một tổ chức tài chính với hệ sinh thái khép kín, đã dạng dịch vụ tài chính, MBS liên tục vươn lên đạt các mốc phát triển mới cả về quy mô, nhân sự và chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng. Hiện nay, MBS tập trung phát triển dịch vụ chứng khoán mạnh mẽ đồng đều trên cả kênh số và kênh truyền thống cùng các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu cung cấp tới khách hàng các sản phẩm tài chính đa dạng.

MBS có đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, năng động, am hiểu thị trường; kết hợp cùng nền tảng công nghệ hiện đại và vững chắc sẽ mang đến khách hàng các giải pháp đầu tư chứng khoán hiệu quả, an toàn.



VỐN ĐIỀU LỆ TẠI NGÀY 31/12/2024

5.728.129.810.000 VNĐ



VỐN CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 31/12/2024

6.908.538.856.612 VNĐ



TỔNG SỐ CBNV TẠI NGÀY 31/12/2024

636 CÁN BỘ NHÂN VIÊN



Tầng 7 – 8, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh

Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội



+84 24 7304 5688



www.mbs.com.vn

Mã cổ phiếu: MBS

Niêm yết tại SGDCK Hà Nội



TẦM NHÌN

Trở thành công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam.



SỨ MỆNH

MBS cung cấp dịch vụ xuất sắc nhất cho khách hàng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1 Tiên phong

Sẵn sàng đi đầu, dám nghĩ dám làm, dám đương đầu với thử thách và đón nhận thay đổi.

Tiên phong sẽ giúp MBS có ý thức vươn lên, có động lực phát triển, hướng tới mục tiêu chung cấp dịch vụ xuất sắc nhất cho khách hàng.

2 Sáng tạo

Đổi mới tư duy trong cách nghĩ, cách làm, tạo sự mới mẻ và khác biệt trong các hoạt động của MBS.

Sáng tạo sẽ giúp MBS tạo ra những giá trị mới, ngày càng hoàn thiện và thành công trong mọi hoạt động.

3 Đoàn kết

Thống nhất về ý chí và hành động, cùng hướng tới mục tiêu chung.

Đoàn kết sẽ giúp MBS trở thành một tập thể có khát vọng cao, cam kết và có trách nhiệm với cộng đồng.

4 Kỷ luật

Thượng tôn pháp luật, chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước và các chuẩn mực mà MBS lựa chọn.

Kỷ luật sẽ giúp MBS trở thành một tập thể vững mạnh, có năng suất, và hiệu quả lao động cao.

5 Tận tâm

Luôn cố gắng hết sức, làm việc trách nhiệm và tâm huyết trong mọi quyết định và hành động.

Tận tâm tại MBS hướng tới sự gắn kết trong tổ chức và đặt khách hàng làm trọng tâm, nhằm mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

- Thành lập bởi Ngân hàng TMCP Quân Đội với vốn điều lệ 9 tỷ đồng, trụ sở tại 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
- Là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên của Việt Nam
- Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng
- Thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh

2000 -- 2006

- Thực hiện tái cấu trúc Công ty
- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới
- Thành lập Chi nhánh Hà Nội
- Chuyển trụ sở về số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

2007 – 2010

- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới
- Tăng vốn điều lệ lên hơn 5.728 tỷ đồng
- Năm 2024, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 930,6 tỷ đồng, Dự nợ dịch vụ tài chính đạt hơn 10.293,7 tỷ đồng, Giá trị vốn hóa có thời điểm vượt 17.000 tỷ đồng, cao nhất lịch sử hoạt động
- Duy trì tỷ lệ nợ xấu dịch vụ tài chính ở mức 0% trong 13 năm liên tiếp

2011 – 2012

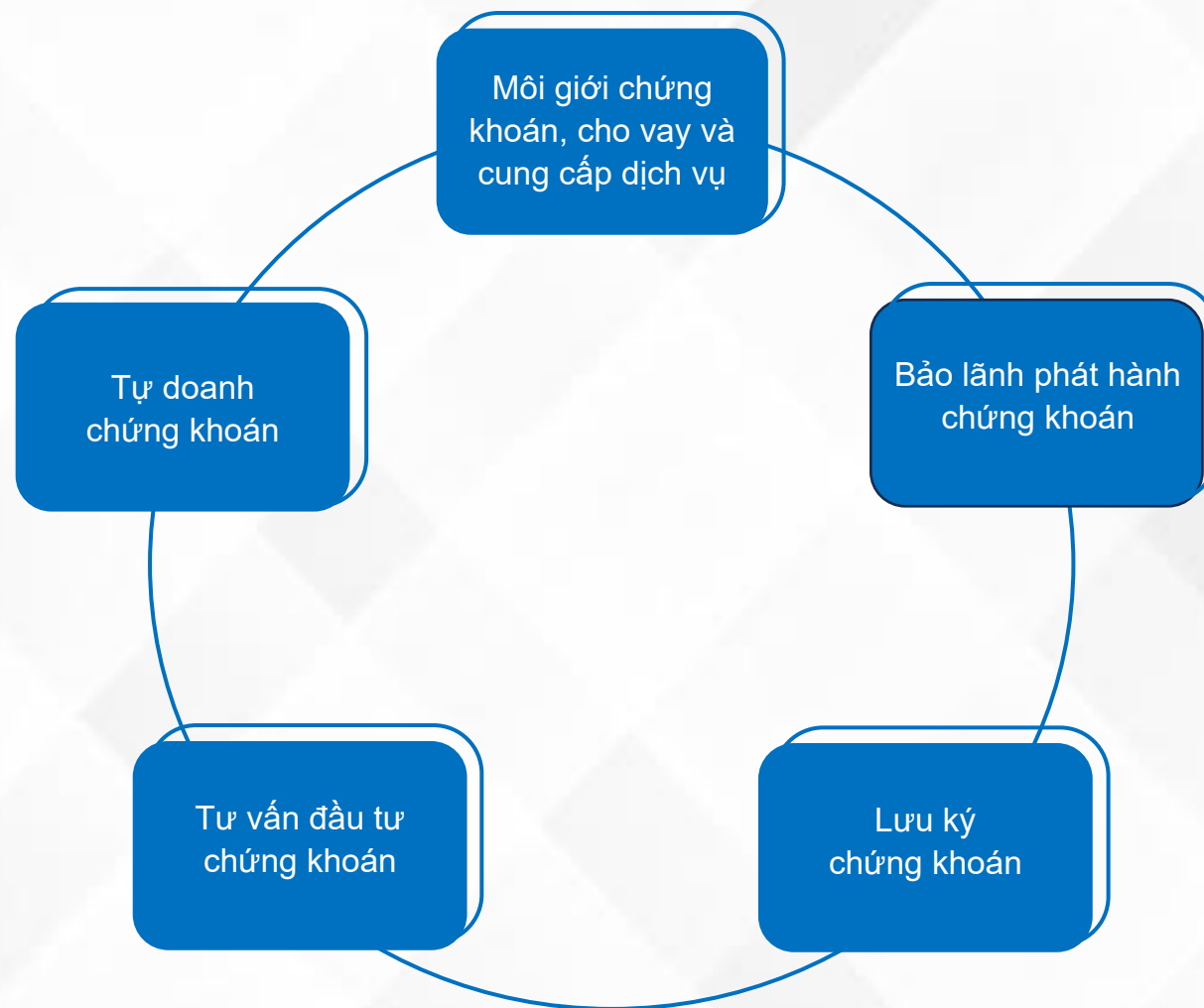
2013 – 2021

2022 – 2024

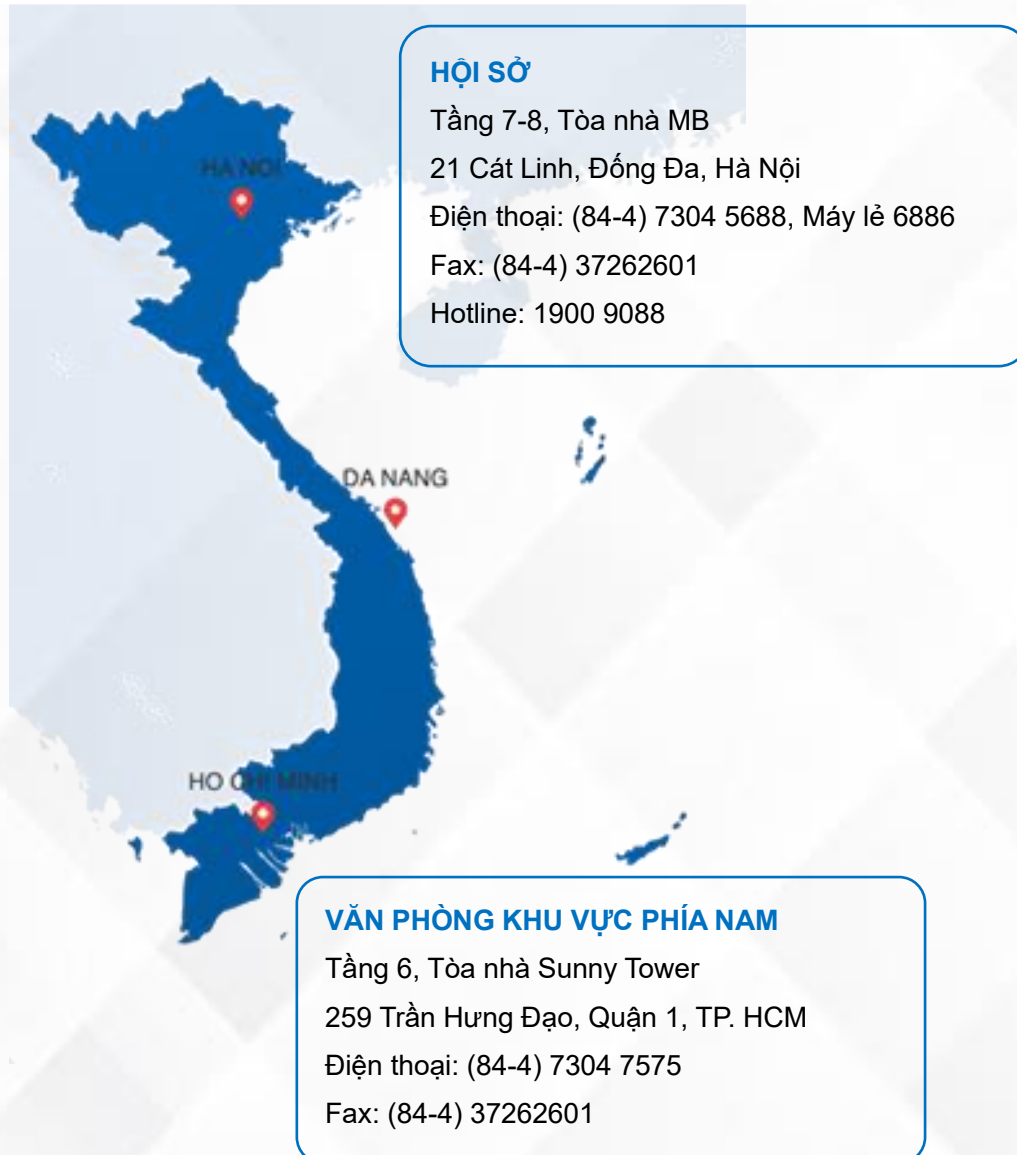
- Cổ phần hóa Công ty
- Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng
- Đứng đầu thị phần HNX và HSX năm 2009 và 2010
- Thành lập Chi nhánh Hải Phòng

- Thành lập Chi nhánh Hoàn Kiếm (hiện tại đã đổi tên thành Chi nhánh Sở Giao dịch 1)
- Hợp nhất với Công ty Chứng khoán VIT
- Niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới
- Thành lập Chi nhánh Sài Gòn và Chi nhánh Bắc Sài Gòn
- Chuyển trụ sở về 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
- Tăng vốn điều lệ lên 1.643 tỷ đồng

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



SỞ GIAO DỊCH 1

Tầng 7, Tòa nhà MB
 21 Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 7304 7575

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 6, Tòa nhà Thăng Long
 98A Nguyễn Như Kon Tum, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
 Điện thoại: (84-4) 7304 7575

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Tầng 3, Tòa nhà MB
 Số 6, Lô 30A Lê Hồng Phong, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng
 Điện thoại: (84-225) 382 1886

CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

Tầng 5, Tòa nhà Sunny Tower
 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
 Điện thoại: (84-28) 7304 7575

CHI NHÁNH SÀI GÒN

Tầng 6, Tòa nhà Sunny Tower
 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
 Điện thoại: (84-28) 7304 7575

CHI NHÁNH BẮC SÀI GÒN

Tầng trệt, Tòa nhà The Prince Residence
 Số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
 Điện thoại: (84-28) 7304 7373

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU GẦN ĐÂY

Trong quá trình phát triển, Công ty CP Chứng khoán MB đã nhiều lần được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn, có uy tín trong và ngoài nước cũng như của các Cơ quan quản lý Nhà nước trong nhiều lĩnh vực. Dưới đây là một số giải thưởng tiêu biểu gần đây:

GIẢI THƯỞNG DO CÁC TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI VINH DANH



Tạp chí Alpha Southeast Asia

Đơn vị môi giới chứng khoán số tốt nhất
Việt Nam 2024



Tạp chí Global Economics

Nền tảng giao dịch online sáng tạo nhất
Việt Nam 2023



Tạp chí International Finance

Nền tảng giao dịch online sáng tạo nhất
Việt Nam 2019



Tạp chí World Finance

Công ty Quản lý đầu tư tốt nhất
Việt Nam 2018



Tạp chí World Finance

Công ty Quản lý đầu tư tốt nhất
Việt Nam 2018

GIẢI THƯỜNG TIÊU BIỂU GẦN ĐÂY (tiếp theo)

GIẢI THƯỜNG DO CÁC TỔ CHỨC TRONG NƯỚC VINH DANH



Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam

Giải thưởng Sao Khuê dành cho MBS Mobile App - Giải pháp ngành phần mềm công nghệ thông tin Việt Nam năm 2024



Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam

Xếp hạng 5 sao Giải thưởng Sao Khuê dành cho MBS Mobile App - Giải pháp xuất sắc của ngành phần mềm, công nghệ thông tin Việt Nam năm 2024



CareerViet

Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Việt Nam năm 2023

GIẢI THƯỜNG DO CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ VINH DANH

Bộ Tài chính

Bằng khen vì có đóng góp cho sự phát triển của Thị trường chứng khoán năm 2018, 2019 và 2020

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Bằng khen vì có nhiều thành tích trong quá trình thành lập và phát triển giai đoạn 2000 - 2015

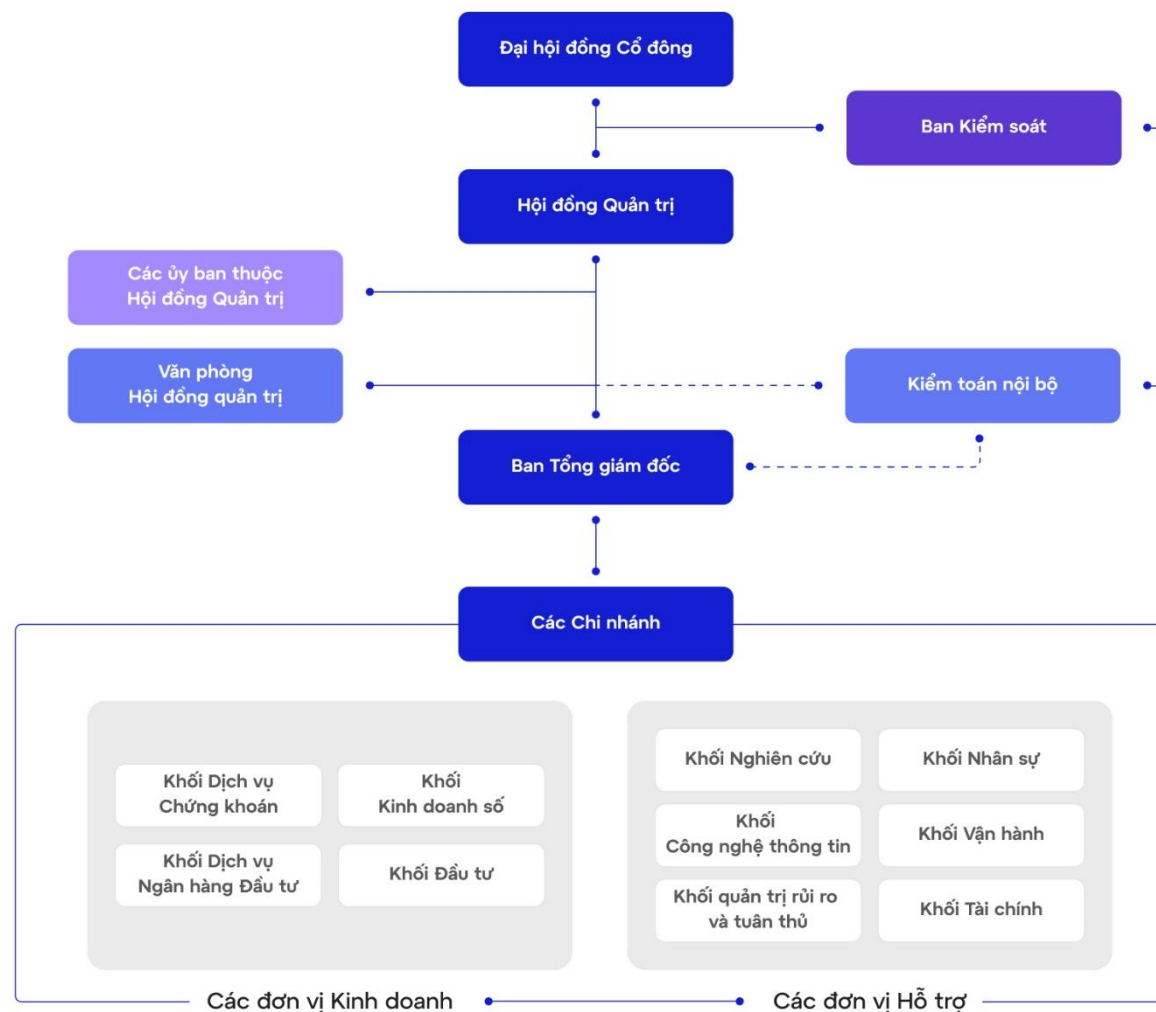
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và HCM

Thành viên tiêu biểu của các Sở giao dịch các năm 2018, 2019 và 2020

Trung tâm Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh các năm 2023 và 2024

MÔ HÌNH TỔ CHỨC



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Viết Hải
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Viết Hải hiện là Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội (MB). Ông Hải tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính tín dụng và bảo vệ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học California Miramar, Mỹ. Ông Hải có trên 25 năm gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội với các trọng trách được giao như Giám đốc MB Hoàng Quốc Việt, GD Khối SME, GD Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh VP HĐQT.

Với cương vị Chủ tịch HĐQT MBS, Ông Hải đã chỉ đạo công ty thực hiện nhiều chương trình lớn như thay đổi mô hình tổ chức, xây dựng chiến lược kinh doanh, thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tái cơ cấu các hoạt động kinh doanh và hỗ trợ giúp tăng cường hiệu quả toàn Công ty và nâng cao trải nghiệm khách hàng.



Ông Phan Phương Anh
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Ông Phan Anh (tên đầy đủ là Phan Phương Anh) là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) vào ngày 08/06/2022.

Ông Phan Anh tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Trước khi gia nhập MBS, Ông Phan Anh đã có hơn 15 năm đảm nhận chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital). Ông cũng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng đầu tư của Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital Fund.

Trong thời gian công tác tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Ông Phan Anh từng thực hiện công việc ở các vị trí như: Chuyên viên phân tích đầu tư dự án, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối (Treasury). Ông cũng là một trong những thành viên đầu tiên của Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long (là tiền thân của Công ty cổ phần Chứng khoán MB - MBS ngày nay) vào năm 2000.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (tiếp theo)**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

Bà Nguyễn Minh Hằng
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Minh Hằng hiện là Giám đốc Khối đầu tư của Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Minh Hằng tốt nghiệp chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính đồng thời bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Bà Minh Hằng có nhiều năm gắn bó với MB với các chức danh như Trưởng phòng Quản lý tín dụng Hội sở, Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro.

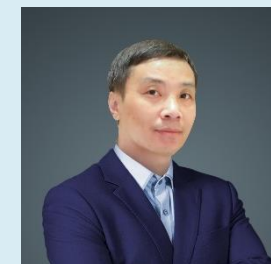
Bà Minh Hằng đã tham gia nhiều dự án trọng điểm của MB và có đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị rủi ro của MB an toàn, hiệu quả, tiệm cận thông lệ quốc tế. Là Thành viên HĐQT MBS, bà Hằng tham gia chỉ đạo Công ty thực hiện đổi mới mô hình hoạt động, đóng góp nhiều đối với công tác quản trị rủi ro và hoạt động bán chéo với MB Group.



Ông Phạm Xuân Thanh
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Xuân Thanh là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, đã gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) 17 năm, đảm nhận nhiều vị trí quan trọng: Phó phòng Đầu tư - Khối đầu tư, Phó Giám đốc Sở giao dịch 1, Giám đốc Chi nhánh Long Biên, Phó Giám đốc Khối Thẩm định và hiện tại là Phó giám đốc Khối Khách hàng lớn. Ông Thanh đã từng công tác tại Tổng công ty khoáng sản Việt Nam, Công ty Xuất nhập khẩu Intimex – Bộ thương mại, tham gia Ban Kiểm soát của Công ty CP thủy điện Hủa Na...

Ông Phạm Xuân Thanh được bầu và trúng cử là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của MBS năm 2023.



Ông Phạm Thế Anh
Thành viên
Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thế Anh là Phó Giáo sư, Tiến sĩ kinh tế, hiện đang là Trưởng Khoa Kinh tế học - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông Thế Anh đã từng công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) trong 7 năm với các vị trí: Kinh tế trưởng (2009 - 2014) và Thành viên HĐQT độc lập (2016 - 2018). Ông cũng từng giữ các vai trò quan trọng như chuyên gia kinh tế cao cấp, cố vấn kinh tế/kinh tế trưởng ở các tổ chức như Nhóm Tư vấn Chính sách - Bộ Tài chính, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách Việt Nam (VEPR), Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS).

Ông Phạm Thế Anh được bầu và trúng cử là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của MBS năm 2023.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (tiếp theo)**BAN KIỂM SOÁT**

Bà Phạm Thị Hoa
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hoa hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Hoa tốt nghiệp và bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bà Hoa có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Phó Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ, Phó Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ.



Bà Vũ Thị Hương
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hương hiện là Trưởng bộ phận Kiểm toán tài chính, Cơ quan Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Hương tốt nghiệp trường Đại học Hà Nội, ngành Quản trị tài chính với 4 năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và nhiều năm kinh nghiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội.



Bà Lê Thu Trang
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Thu Trang là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, có 13 năm công tác trong ngành Ngân hàng. Bà Trang đã gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) trong 9 năm, thực hiện công việc ở các vị trí như: Giám đốc Phát triển kinh doanh, Phòng Phát triển kinh doanh, Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Chuyên gia Phòng Tài chính, Khối Tài chính kế toán.

Bà Lê Thu Trang được bầu và trúng cử là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của MBS năm 2023.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (tiếp theo)**BAN ĐIỀU HÀNH**

Ông Phan Phương Anh
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Ông Phan Anh (tên đầy đủ là Phan Phương Anh) là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) vào ngày 08/06/2022.

Ông Phan Anh tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Trước khi gia nhập MBS, Ông Phan Anh đã có hơn 15 năm đảm nhận chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital). Ông cũng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng đầu tư của Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital Fund.

Trong thời gian công tác tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Ông Phan Anh từng thực hiện công việc ở các vị trí như: Chuyên viên phân tích đầu tư dự án, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối (Treasury). Ông cũng là một trong những thành viên đầu tiên của Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long (là tiền thân của Công ty cổ phần Chứng khoán MB - MBS ngày nay) vào năm 2000.



Bà Phùng Thị Thanh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Bà Phùng Thị Thanh Hà hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác quản trị rủi ro, nghiệp vụ, pháp chế của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Hà tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế tại trường Đại học Méditerranée - Aix Marseille II (Pháp) chuyên ngành quản trị doanh nghiệp. Bà Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp đáng kể trong việc xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro của MBS đảm bảo tái cấu trúc thành công, góp phần vào việc đưa MBS trở thành công ty chứng khoán có vị thế trên thị trường.

Trước khi làm việc tại MBS, bà Hà từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Trưởng Bộ phận tái thẩm định SME, Trưởng Bộ phận tái thẩm định Khách hàng cá nhân, Phó phòng Thẩm định Hội sở và Trưởng phòng Quản trị rủi ro tại MBS.

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (tiếp theo)**BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)**

Ông Lê Thành Nam
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Thành Nam hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khu vực phía nam của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Nam tốt nghiệp trường Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp. Giữ cương vị phụ trách hoạt động của MBS tại Khu vực phía Nam, ông Nam đã xây dựng và thu hút được đội ngũ môi giới lớn mạnh, tâm huyết, đem lại nhiều bước đột phá về kết quả kinh doanh, góp phần phát triển thương hiệu cũng như mở rộng thị phần của MBS tại khu vực phía nam.

Trước khi về MBS, ông Nam từng có nhiều năm đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại các doanh nghiệp như: PCT HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ thương mại Giấy Việt; thành viên HĐQT Công ty CP DIC số 4; thành viên HĐQT Công ty địa ốc Hoàng Quân và thành viên HĐQT Công ty CP Thuốc thú y Cai Lậy.



Ông Lê Văn Tuấn
Thành viên Ban Điều hành

Ông Lê Văn Tuấn hiện là thành viên Ban Điều hành, phụ trách Công nghệ thông tin của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ tại trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội chuyên ngành công nghệ thông tin, thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Benedictine USA. Ông Tuấn có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt trong ngành tài chính và từng tham gia nhiều dự án lớn về quản trị và phát triển hệ thống CNTT của Ngân hàng MB.

Trước khi công tác tại MBS, ông Tuấn từng giữ nhiều vị trí quan trọng mảng công nghệ tại Ngân hàng TMCP Quân đội như: Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Giám đốc Trung tâm Phát triển - Khối Công nghệ thông tin.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2024

Tình hình kinh tế vĩ mô

Sau nhiều năm đối mặt với các cú sốc tiêu cực do Covid19, kinh tế toàn cầu nhìn chung đã dần ổn định trong năm 2024. Đặc biệt, việc lạm phát được kiểm soát ở nhiều nước trên thế giới đã tạo điều kiện cho các ngân hàng trung ương bước vào chu kỳ nới lỏng tiền tệ nhằm thúc đẩy nền kinh tế.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 đạt 7,09%, vượt mức mục tiêu 6,5% và là mức tăng trưởng nổi bật trong 13 năm trở lại đây. Lạm phát 3,63% dưới kế hoạch đề ra là 4,5%.



Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2024 ở ngưỡng 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với năm 2023. Đây cũng là năm thứ 2 liên tiếp, thị trường có mức tăng trưởng 2 con số. Mức tăng này là một kết quả tích cực khi đặt trong bối cảnh khối ngoại rút ròng kỷ lục và dòng vốn quốc tế quay về thị trường Mỹ.

Trong bối cảnh dòng tiền ngoại rút ròng, dòng tiền nội chính là chất xúc tác đưa chỉ số Vn-Index có mức tăng trưởng đứng thứ 2 trong nhóm Asean 6, chỉ sau thị trường Singapore (16,4%). Theo thống kê, thanh khoản bình quân toàn thị trường năm 2024 đạt 21.515 tỷ đồng, tăng 22,8% so với năm 2023. Các nhóm cổ phiếu có mức tăng trưởng vượt trội trên thị trường năm 2024 tập trung ở: Viettel (+218%), Công nghệ (+76%), Hàng không (+69%), v.v...

Năm 2024 cùng với nỗ lực của các cơ quan quản lý, thị trường đã có nhiều chuyển biến tích cực trong quá trình hướng tới nâng hạng lên thị trường mới nổi. Trong đó, phải kể đến việc ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC quy định về việc ký quỹ trước của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài khi giao dịch và yêu cầu công bố thông tin trên TTCK. Bên cạnh đó, Luật Chứng khoán (sửa đổi) cũng được thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV. Tính đến cuối năm Việt Nam có 9,2 triệu tài khoản chứng khoán chiếm 9,3% dân số, vượt mục tiêu 5% được đề ra trong Đề án Cơ cấu lại TTCK và bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

Trong bối cảnh diễn biến thị trường dần ổn định và có nhiều chuyển biến tích cực, MBS đã tập trung vào một số hoạt động trọng yếu như: (1) Đầu tư nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; (2) Thực hiện chuyển đổi số toàn diện cho cả hoạt động kinh doanh và hoạt động hỗ trợ, đặc biệt là hoạt động môi giới, hoạt động digital marketing, nghiên cứu, nhân sự, tài chính, kế toán...; (3) Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, khẳng định uy tín của MBS trên thị trường. Nhờ vào đó, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty đạt được nhiều kết quả vượt trội.



Doanh thu: 3.131 tỷ đồng



Lợi nhuận TT: 930,6 tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Thực hiện 2024/ Thực hiện 2023	Thực hiện 2024/ Kế hoạch 2024
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.786	1.826	3.131	171%	112%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	930	716	930,6	130%	100%

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Tổng quan về hoạt động Quản trị rủi ro tại MBS

MBS luôn định hướng và thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro chặt chẽ, thông minh nhằm chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Cơ quan quản lý và đồng hành cùng kinh doanh. Đồng thời, Công ty thường xuyên cập nhật các xu hướng phát triển, thông lệ tiên tiến về ngành, tích lũy và nâng cao năng lực học hỏi, đảm bảo phù hợp với chiến lược của MBS, thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi của môi trường bên ngoài.

Quản lý rủi ro theo mô hình ba tuyến phòng vệ khách quan, độc lập, chủ động với các nhiệm vụ khác nhau tiếp tục phát huy hiệu quả giúp củng cố các rào chắn để phòng ngừa/ nhận diện và giảm thiểu tối đa các rủi ro phát sinh có thể gây thiệt hại cho Công ty.

MBS xác định công tác quản lý rủi ro là trách nhiệm của toàn bộ Ban Lãnh đạo, Cán bộ nhân viên của công ty Do đó toàn bộ các đơn vị trong công ty đều có KPI về quản lý rủi ro xuyên suốt quá trình vận hành hoạt động, tích cực triển khai truyền thông và đào tạo văn hóa rủi ro, văn hóa tuân thủ đến từng cá nhân tại các phòng ban trên toàn hệ thống MBS.

Đứng trước các thách thức về an toàn an ninh thông tin, xu hướng chuyển dịch số mạnh mẽ trong kinh doanh và vận hành, quy định pháp luật ngày càng chặt chẽ, MBS đã đẩy mạnh ứng dụng các công cụ hỗ trợ giám sát và cảnh báo sớm tự động để phản ánh kịp thời, chính xác dấu hiệu rủi ro đến các đơn vị liên quan nhằm chủ động triển khai các biện pháp phòng tránh, ứng phó và giảm thiểu rủi ro phát sinh, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, liên tục.



Rủi ro thị trường

Năm 2024 tăng trưởng kinh tế trong nước được cải thiện, chỉ số GDP tăng trưởng tích cực, tuy nhiên những vấn đề như tỷ giá neo cao, áp lực rút ròng mạnh mẽ từ khối ngoại cùng bối cảnh biến động của thị trường chứng khoán quốc tế ảnh hưởng tới diễn biến thị trường chứng khoán trong nước. Xu hướng tăng trưởng chính của thị trường chứng khoán chủ yếu tập trung trong quý I, các quý còn lại thị trường biến động tăng giảm đan xen, giá trị thanh khoản sụt giảm trong hai quý cuối năm.

Công tác theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu và dự báo sớm tiếp tục được MBS vận hành chặt chẽ nhịp nhàng thông qua hoạt động giám sát, đánh giá và dự báo thị trường. Nhất quán tuân thủ khẩu vị rủi ro chặt chẽ kết hợp phân tích dự báo chuyên sâu, MBS tự tin quản trị danh mục cho vay ký quỹ linh hoạt, danh mục tự doanh hiệu quả, theo đó kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh về dư nợ, lợi nhuận.

Rủi ro thanh khoản

MBS đặt mục tiêu điều hành hoạt động nguồn vốn linh hoạt và hiệu quả, đảm bảo đáp ứng đầy đủ kịp thời cho kinh doanh và tối ưu về chi phí. Công ty tiếp tục mở rộng quan hệ đối tác và củng cố uy tín trong giao dịch giấy tờ có giá, vay vốn đối với các ngân hàng trong nước, nước ngoài, luôn duy trì hạn mức giải ngân ổn định. Hệ thống các tiêu chí và báo cáo giám sát thanh khoản, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn được thiết lập để giám sát hàng ngày và định kỳ theo tần suất phù hợp, hỗ trợ Ban lãnh đạo ra quyết định kinh doanh nhanh chóng kịp thời, đảm bảo cân bằng giữa hiệu quả và rủi ro.

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán hiện diện trong nhiều hoạt động của công ty, phát sinh trọng yếu từ giao dịch ký quỹ, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư công cụ tài chính khác khi khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đầy đủ nghĩa vụ như đã cam kết.

Đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, MBS sử dụng các công cụ giám sát chất lượng tài sản bảo đảm tương ứng với khoản vay của từng Khách hàng, quy trình cung cấp dịch vụ tài chính được tự động hóa trên hệ thống phần mềm để rút ngắn thời gian thẩm định, nâng cao hiệu suất cung cấp dịch vụ cho Khách hàng. Danh mục cho vay được xây dựng và rà soát thường xuyên đảm bảo tuân thủ quy định của Ủy ban chứng khoán, đáp ứng nhu cầu của Khách hàng và kiểm soát được rủi ro, không phát sinh nợ xấu dịch vụ tài chính.

Đối với hoạt động đầu tư, MBS luôn xem xét thận trọng phương án, uy tín của tổ chức phát hành, hoạt động thẩm định và xếp hạng đối tác được thực hiện đầy đủ, kĩ càng theo quy trình của MBS. MBS với tư cách là đại lý quản lý tài sản bảo đảm/ đại diện người sở hữu trái phiếu luôn thận trọng theo dõi sát sao tình hình tuân thủ cam kết, tình hình thanh toán theo kỳ hạn trái phiếu của tổ chức phát hành để bảo vệ quyền lợi cho các trái chủ.

Quản trị rủi ro chặt chẽ, thông minh và đồng hành cùng hoạt động kinh doanh là nền tảng quan trọng xuyên suốt các giai đoạn chiến lược của MBS.

Trong 13 năm liên tiếp MBS không phát sinh nợ xấu dịch vụ tài chính.



Rủi ro công nghệ thông tin

Nhằm tăng cường năng lực quản lý rủi ro công nghệ, MBS đã triển khai hệ thống SOC, ban hành các kịch bản ứng phó với rủi ro công nghệ thông tin để chủ động giám sát khả năng vận hành và phát hiện rủi ro đối với các hệ thống công nghệ thông tin trọng yếu.

Năm 2024 Công ty cũng thực hiện hàng loạt các giải pháp đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT như xây dựng hệ thống đặt lệnh mới cho lực lượng kinh doanh, cải tiến giao diện Mobile App hiện đại, tăng cường các lớp bảo mật... để nâng cao hiệu quả quản trị an ninh an toàn thông tin.

Rủi ro thương hiệu, danh tiếng

MBS thường xuyên thực hiện các hoạt động truyền thông tăng cường nhận diện thương hiệu và nâng cao ý thức của Cán bộ nhân viên về tầm quan trọng, ý nghĩa của bảo vệ thương hiệu, bảo vệ bí mật kinh doanh của Công ty.

Hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết lập với đầy đủ chức năng phát hiện, ngăn ngừa và có chế tài xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm quy định có thể làm tổn hại đến uy tín, danh tiếng và Thương hiệu của công ty.

MBS luôn nỗ lực đảm bảo công bố thông tin kịp thời, minh bạch, đặc biệt đối với các thông tin về tình hình tài chính tới cổ đông, quý nhà đầu tư, đồng thời luôn sẵn sàng tích cực phối hợp với các cơ quan báo chí trước các vấn đề phát sinh có thể ảnh hưởng đến danh tiếng, hình ảnh của MBS.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết	Chức danh tại các tổ chức khác
Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT Thành viên không điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 60%	Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 40%	
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành		Giám đốc Khối Đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành		
Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT Thành viên độc lập		

MBS có cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và quản trị doanh nghiệp.

Các thành viên HĐQT luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT MBS.

HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Điều hành trong quá trình triển khai nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết của HĐQT, đảm bảo các hoạt động của MBS được tiến hành theo đúng quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã tham mưu cho HĐQT trong các lĩnh vực nhân sự lương thưởng, quản trị rủi ro. HĐQT và BKS đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, kiểm toán toàn diện, kiểm toán đột xuất và kiểm toán chuyên đề đối với các đơn vị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của MBS.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại, cơ cấu thành viên HĐQT MBS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Tính “độc lập” của các thành viên tuân thủ theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, HĐQT đã thành lập 03 tiểu ban trực thuộc HĐQT gồm:

- Ủy ban quản lý rủi ro
- Ủy ban Nhân sự và lương thưởng
- Hội đồng đầu tư

Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ của các tiểu ban là tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động Quản lý rủi ro và công tác Nhân sự, lương thưởng, bao gồm

1. Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban quản lý rủi ro đã hỗ trợ giám sát các công việc sau .

- Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, cho ý kiến về chính sách rủi ro phù hợp với chiến lược chung của công ty;
- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, các khuyến nghị của cơ quan Thanh tra, quy định của MBS, các quyết nghị của HĐQT liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro của MBS nhằm giảm thiểu các thiệt hại phát sinh rủi ro, tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.
- Đánh giá sự phù hợp trong công tác quản trị rủi ro của MBS theo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của MBS và định hướng theo thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro để đảm

bảo các rủi ro của MBS được quản lý và đánh giá một cách khoa học, thống nhất và hiệu quả. Từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác quản trị rủi ro.

- Đánh giá và đề xuất HĐQT trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp với yêu cầu quản trị của MBS từng thời kỳ.
- Báo cáo HĐQT hiệu quả của Phòng Quản trị rủi ro và công tác quản trị rủi ro trên toàn hệ thống và đưa ra phương hướng khắc phục.

2. Ủy ban Nhân sự và lương thưởng

- Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, lương thưởng.
- Phối hợp với Khối Nhân sự theo dõi đánh giá chất lượng nhân sự, xem xét năng lực cán bộ, đặc biệt là những cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý trong toàn hệ thống.
- Giải quyết các chế độ cho người lao động đảm bảo cạnh tranh và tuân thủ pháp luật.

3. Hội đồng Đầu tư

- Là cơ quan phê duyệt trực thuộc HĐQT của MBS, do HĐQT ra quyết định thành lập, quản lý.
- Thực hiện phê duyệt, tham mưu cho HĐQT và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các vấn đề liên quan đến đầu tư tự doanh của Công ty theo hạn mức thẩm quyền được phân cấp theo quy định của MBS từng thời kỳ.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

1. CỔ PHẦN

Nội dung	Số lượng cổ phần
Tổng số lượng cổ phần MBS	437,669,993
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	437,669,993
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

a. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu > 5%	1	348,962,212	79.73%
Ngân hàng TMCP Quân đội	1	348,962,212	79.73%
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu < 5%	16,329	88,707,781	20.27%
Tổng cộng	16,330	437,669,993	100%

b. Cơ cấu cổ đông theo loại hình

Cổ đông	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I. Cổ phiếu quỹ	-	30,041	30,041	0.01%
II. Cổ đông khác				
Tổ chức trong nước	-	354,808,372	354,808,372	81.07%
Cá nhân trong nước	-	69,553,036	69,553,036	15.89%
Tổ chức nước ngoài	-	12,299,853	12,299,853	2.81%
Cá nhân nước ngoài	-	978,691	978,691	0.22%
Cổ đông Nhà nước	-	-	-	0%
Tổng cộng		437,669,993	437,669,993	100%

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2024

Nội dung	Số lượng cổ phiếu quỹ tại 01/01/2024	Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi (tăng/giảm) trong kỳ	Số lượng cổ phiếu quỹ tại 31/12/2024
Số lượng cổ phiếu quỹ	30,441	-400 (*)	30,041

Ghi chú:

- Số liệu tại mục Cơ cấu cổ đông được ghi nhận theo danh sách chốt cổ đông ngày 14/08/2024 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- (*) Số lượng cổ phiếu quỹ giảm 400 cổ phiếu do Công ty cổ phần chứng khoán MB đã thực hiện lệnh bán cổ phiếu sửa lỗi sau giao dịch ngày 03/04/2024.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2024

Thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2024 với nhiều biến động đáng chú ý. VN-Index chốt phiên cuối năm ở mốc 1.266,78 điểm, tăng trưởng 12,1% so với năm 2023. Mặc dù có giai đoạn tăng điểm tốt trong quý I, thị trường sau đó đi ngang trong gần 9 tháng. Thanh khoản thị trường bình quân cả năm ở mức 21.000 tỷ và giảm mạnh còn 15.000 tỷ trong Q4.2024. Khối ngoại bán ròng gần 3,6 tỷ USD, đây là con số cao gấp 4 lần năm 2023. Dù chịu ảnh hưởng tiêu cực từ nhiều yếu tố ngoại cảnh, chính phủ và các cơ quan chức năng đã có những động thái tích cực nhằm hướng đến việc nâng hạng thị trường. Tính đến cuối năm, Việt Nam đã đạt 9,2 triệu tài khoản chứng khoán, chiếm 9,3% dân số, vượt mục tiêu đề ra trong Đề án Cơ cấu lại TTCK. Đây là nền tảng quan trọng cho những bước tiến trong tương lai.



Trước diễn biến phức tạp của thị trường trong năm 2024, MBS cũng đã gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên dưới nỗ lực quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo và sự cố gắng, đồng lòng của toàn bộ CBNV MBS, Công ty đạt nhiều kết quả tích cực:

✓ Về hoạt động quản trị, chiến lược:

- Năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai chiến lược giai đoạn 2022 – 2026, theo định hướng Tầm nhìn: Trở thành Công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam; Mục tiêu nằm trong Top 3 thị trường chứng khoán Việt Nam về hiệu quả hoạt động và Top 5 thị trường chứng khoán Việt Nam về thị phần môi giới.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông, và tăng vốn điều lệ từ 4.376 tỷ đồng lên 5.728 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

✓ Về mô hình tổ chức:

- Kiện toàn lực lượng và tổ chức nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng chiến lược.
- Bên cạnh việc nâng cao chất lượng dịch vụ hoạt động môi giới truyền thống, Công ty đang đầu tư công nghệ mạnh mẽ và thúc đẩy hoạt động Kinh doanh số để tăng trải nghiệm khách hàng.

✓ Về hoạt động kinh doanh:

- Thị Thị phần môi giới luôn trong Top 10 CTCK trên sàn HSX và duy trì TOP 5 trên sàn HNX;
- Phối hợp với MB để thúc đẩy hoạt động bán chéo Tập đoàn;
- Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài nguồn vốn cho kinh doanh.

✓ Về công nghệ:

- Khối CNTT và Khối KDS phối hợp triển khai nhiều dự án phát triển sản phẩm mới trên kênh số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng: đổi mới giao diện app MBS, cung cấp các sản phẩm tư vấn online ...
- Đảm bảo tiến độ dự án KRX theo yêu cầu của CQQL; Hoàn thành việc triển khai giải pháp SOC (Trung tâm điều hành an ninh mạng), ISO, Chuyển dịch hạ tầng; Hoàn thành việc nâng cấp và golive hệ thống lõi giao dịch chứng khoán cơ sở - New core...

✓ Về quản trị rủi ro:

Kiểm soát chặt chẽ danh mục chứng khoán cho vay, điều chỉnh kịp thời trong điều kiện thị trường biến động mạnh đảm bảo an toàn cho Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ vào Điều lệ, HĐQT giao quyền cho Ban Điều hành quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông. Ban Điều hành đã chú trọng nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

KẾ HOẠCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

Trong năm 2025, HĐQT tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

❖ VỀ CHIẾN LƯỢC

Tiếp tục triển khai các sáng kiến trong chiến lược 2022 – 2026, đặc biệt là hoàn chỉnh những giải pháp thực thi để tạo động lực tốt hơn cho MBS trong tương lai.

❖ VỀ TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

Tiếp tục nâng cao chất lượng bộ máy quản trị điều hành của HĐQT – BDH, tăng cường vai trò của HĐQT và BKS, phát huy vai trò của các Ủy ban và cơ quan hỗ trợ cho HĐQT.

❖ VỀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

Mục tiêu kinh doanh: Doanh thu đạt 3.370 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.300 tỷ đồng, và ROE tối thiểu 14,3% thông qua việc: (1) Tiếp tục duy trì các chính sách và tìm thêm các giải pháp nhằm thúc đẩy thị phần; (2) Lựa chọn cơ hội đẩy mạnh quy mô hoạt động tự doanh cổ phiếu, trái phiếu; (3) Đẩy mạnh mô hình kinh doanh số, tăng tốc thu hút khách hàng, gia tăng tỷ lệ khách hàng active; (4) Tập trung khai thác tập KH MB, tăng cường digital marketing và nâng cao chất lượng các sản phẩm/dịch vụ trên cơ sở phân tích sâu chân dung khách hàng.

❖ VỀ SẢN PHẨM – DỊCH VỤ

Phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, đồng thời đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đặc biệt là sản phẩm trên kênh số để phù hợp với thông lệ quốc tế, yêu cầu luật định và đáp ứng nhu cầu khách hàng. Cải cách thủ tục hành chính, chú trọng thiết kế sản phẩm linh hoạt, có tính dẫn dắt thị trường.

❖ VỀ CÔNG NGHỆ

Phối hợp chặt chẽ và bám sát chiến lược phát triển CNTT Tập đoàn, đầu tư hạ tầng CNTT hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.

❖ VỀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

Với phương châm con người là nguồn lực cốt lõi của công ty, năm 2025 công ty sẽ tiếp tục thu hút các nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài, đồng thời, đẩy mạnh phát triển nguồn lực nội bộ tại các mảng hoạt động kinh doanh và hỗ trợ trọng yếu; tiếp tục hoàn thiện cơ chế đãi ngộ theo năng suất lao động.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN, CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng BKS	10/04/2021	6/6	100%
Bà Vũ Thị Hương	Thành viên BKS	27/04/2017	6/6	100%
Bà Lê Thu Trang	Thành viên BKS	21/04/2023	6/6	100%

Tổ chức hoạt động và triển khai kế hoạch

Ban Kiểm soát đã xây dựng và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2024, đồng thời định hướng, chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ phối hợp với các đơn vị tuyến bảo vệ số 1 và tuyến bảo vệ số 2 xây dựng kế hoạch 2024 đảm bảo hiệu quả, tối ưu nguồn lực.

Công tác triển khai nhiệm vụ của Ban Kiểm soát luôn được phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát theo hướng minh bạch, kịp thời. Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị tham gia cho ý kiến có chất lượng, khách quan về các nội dung thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát đối với công tác quản trị và điều hành

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tập trung vào: giám sát tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong hoạt động quản lý, điều hành tại Công ty; giám sát thực thi chiến lược; giám sát tài chính, hoạt động quản lý rủi ro; giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; giám sát hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu; giám sát hoạt động giao dịch với các bên liên quan; giám sát hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp; giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ; giám sát việc thực hiện các nghị quyết Hội đồng Quản trị MB và Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty.

Kết quả giám sát cho thấy:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai nhiệm vụ theo quy định pháp luật, quy định nội bộ và các thông lệ tiên tiến, phù hợp với hoạt động của MBS;
- Ban Điều hành đã nỗ lực và quyết tâm triển khai chủ động, sáng tạo với các giải pháp kinh doanh bám sát tình hình thị trường:
 - Các chỉ tiêu kinh doanh đạt mức cao nhất trong lịch sử: doanh thu đạt 3.131 tỷ đồng, LNTT đạt 931 tỷ đồng.
 - MBS giữ vị thế môi giới TOP 7 trên sàn HSX, TOP5 sàn HNX và TOP4 Upcom;
 - Hoàn thành 2 đợt tăng vốn điều lệ lên 5.728 tỷ đồng; Tổng tài sản đạt ~ 22,1 ngàn tỷ đồng, tăng 44% so với 2023.
 - Kiểm soát tốt CIR giảm mạnh liên tục 3 năm từ 44% về 36.2%. Năng suất lao động tăng 26% so với thực hiện 2023.
 - Liên tục cải tiến và cập nhật các tính năng của hệ thống theo hướng số hóa ngày càng cao, đảm bảo cung cấp dịch vụ thuận tiện, linh hoạt hướng tới khách hàng.

Hoạt động thẩm định Báo cáo tài chính, Giám sát kết quả tài chính

Ban Kiểm soát đã làm việc với Công ty kiểm toán độc lập (KPMG) về kế hoạch/ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng và 1 năm, giám sát toàn diện công tác quyết toán/ khóa sổ năm 2024, giám sát các chỉ số an toàn tài chính theo Quy định. Trong kỳ, Công ty kiểm toán KPMG đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với báo cáo tài chính năm 2024 của MBS. Kết quả thẩm định và giám sát tài chính cho thấy, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính MBS đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trên cơ sở các quy định của các chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. MBS đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính, các giới hạn đầu tư cho vay đáp ứng quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Hoạt động chỉ đạo và giám sát triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm soát đã định hướng, chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ hoàn thành kế hoạch các chương trình kiểm tra, kiểm toán nội bộ năm 2024. Các phát hiện và tư vấn trong các chương trình kiểm tra, kiểm toán tập trung vào nhận diện các tồn tại, hạn chế, rủi ro và đánh giá nguyên nhân để kiến nghị/ khuyến nghị kiện toàn hệ thống thông tin kế toán, tài chính, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, nhằm tuân thủ các quy định và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho MBS.

Rà soát giao dịch với người có liên quan

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát giao dịch của MBS với người có liên quan, người nội bộ. Trong năm 2024, MBS thực hiện giao dịch với người có liên quan phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ.



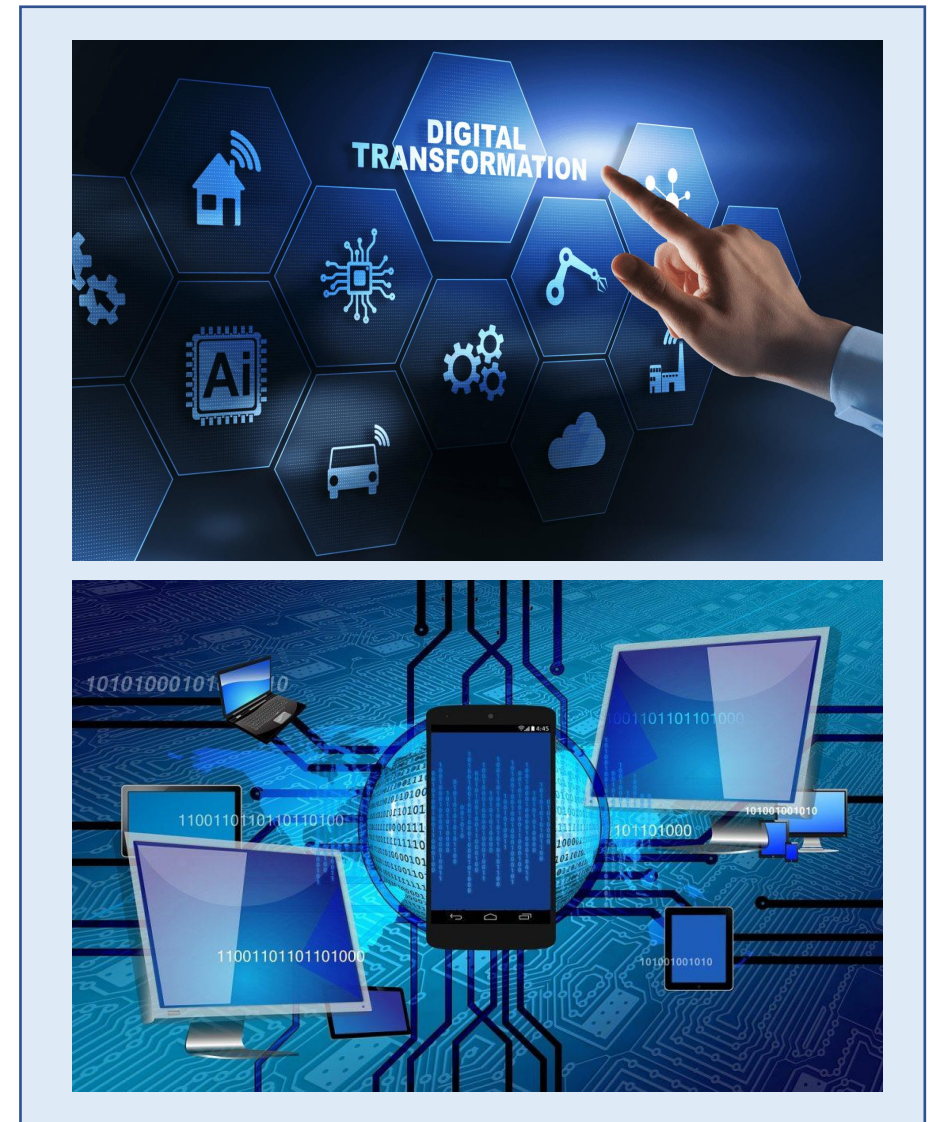
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỐT LÕI TẠI MBS

1. Hoạt động Môi giới chuyển đổi số toàn diện

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô dần ổn định, thị trường chứng khoán dù diễn biến khó lường nhưng có tăng trưởng cả về chỉ số và thanh khoản so với năm 2023, hoạt động môi giới của MBS năm 2024 đã gặt hái được một số kết quả đáng ghi nhận như sau:

- Thực hiện cải tiến mạnh dịch vụ tư vấn và trải nghiệm khách hàng, song song với chính sách sản phẩm đồng bộ, chuyển đổi số mạnh mẽ kết hợp chương trình zero-fee và khai thác khách hàng MB đem lại kết quả đáng ghi nhận. Tính đến Quý 4 năm 2024, với sự cạnh tranh gay gắt trong TOP10, một số công ty chứng khoán lớn ghi nhận thị phần sụt giảm, tuy nhiên MBS cơ bản giữ được thị phần và đạt TOP 6 trong Quý 4, tăng một bậc so với 3 quý liên tiếp duy trì vị trí TOP7.
- Đẩy mạnh Digital Marketing, triển khai công cụ tư vấn Pro-advice, kết hợp chính sách Hoa hồng cao và lãi suất cạnh tranh giúp thúc đẩy hoạt động môi giới và dịch vụ tài chính tăng trưởng tốt, dư nợ dịch vụ tài chính thời điểm cuối năm 2024 đạt mức kỷ lục 10.294 tỷ đồng, tiếp tục duy trì 13 năm liên tiếp không phát sinh nợ xấu.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



2. Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư - IB mở rộng đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm, khẳng định uy tín

- Trong bối cảnh thị trường trái phiếu tiếp tục trầm lắng, công ty đã nỗ lực triển khai hoạt động tư vấn, theo đó doanh số hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu đạt 9.000 tỷ đồng.
- Nguồn lực tài chính, mạng lưới đối tác trong và ngoài nước, nhân sự chất lượng liên tục được củng cố tạo nền tảng vững chắc đồng thời là giải pháp kinh doanh cho hoạt động tư vấn ngân hàng đầu tư của MBS. Bên cạnh đó, khách hàng truyền thống đa ngành và khai thác thông qua kênh bán chéo đa chiều trong MB Group là tệp khách hàng mục tiêu được MBS tập trung thực hiện tư vấn. Một số khách hàng lớn của MBS: Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Tổng công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp (BCM)... Hoạt động ngân hàng đầu tư tiếp tục củng cố chuỗi giá trị tư vấn, đầu tư và phân phối trái phiếu của MBS trong năm 2024.

3. Hoạt động đầu tư an toàn, hiệu quả, tiên phong thị trường về triển khai các sản phẩm mới

- MBS chủ động quản trị danh mục đầu tư an toàn, đồng thời không ngừng tìm kiếm cơ hội đầu tư, danh mục tự doanh của công ty đem lại tỷ suất sinh lời cao hơn mức tăng trưởng của chỉ số VN-Index.
- Hoạt động quản trị rủi ro tốt đã giúp MBS giữ cho mảng đầu tư cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp được an toàn, ổn định.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

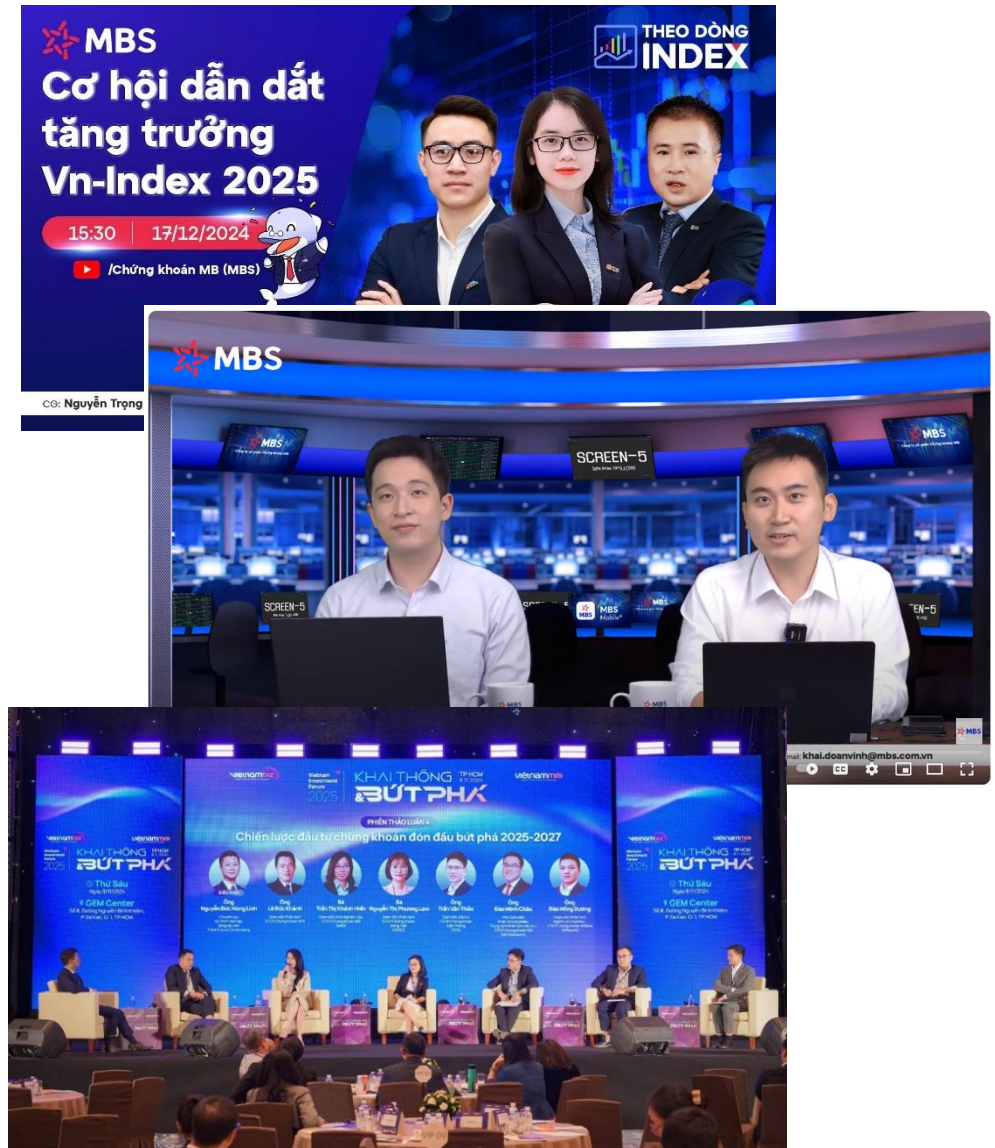
CÁC NỀN TẢNG HỖ TRỢ KINH DOANH

1. Hoạt động Nghiên cứu chuyên sâu với thông tin và chất lượng tư vấn tốt

Năm 2024 ghi dấu ấn đổi mới trong hoạt động nghiên cứu của MBS. Chuỗi chương trình phân tích thị trường và tư vấn online trên Kênh Youtube được tổ chức định kỳ hàng ngày, thường xuyên thu hút hàng ngàn lượt xem, các bài viết trên các trang báo uy tín, đặc biệt là các báo cáo phân tích thị trường được cập nhật liên tục, nhanh chóng và chính xác, hỗ trợ tích cực cho việc thu hút sự quan tâm của ngày càng nhiều nhà đầu tư cũng như các phương tiện truyền thông.

Chất lượng tư vấn của MBS trong năm 2024 có tính đột phá và nhanh nhạy với các biến động thị trường với việc định giá phù hợp và tham vấn đầu tư số lượng lớn các mã có cơ hội tăng trưởng tốt trong năm. Các báo cáo kinh tế vĩ mô, báo cáo ngành chuyên sâu và toàn diện giúp nâng cao uy tín hoạt động nghiên cứu của MBS. Báo cáo định kỳ tư vấn đầu tư, nhận định thị trường của MBS được nhà đầu tư đánh giá cao, gắn với mục tiêu hướng tới gia tăng quản trị tài sản của nhà đầu tư và được truyền thông rộng rãi trên các phương tiện đại chúng.

Các báo cáo phân tích có giá trị đến từ các chuyên gia của MBS là lựa chọn của nhiều khách hàng là các tổ chức và khách hàng nước ngoài, là sự lựa chọn hàng đầu trên các phương tiện truyền thông, góp phần gia tăng hiện diện và độ bao phủ của MBS trên thị trường

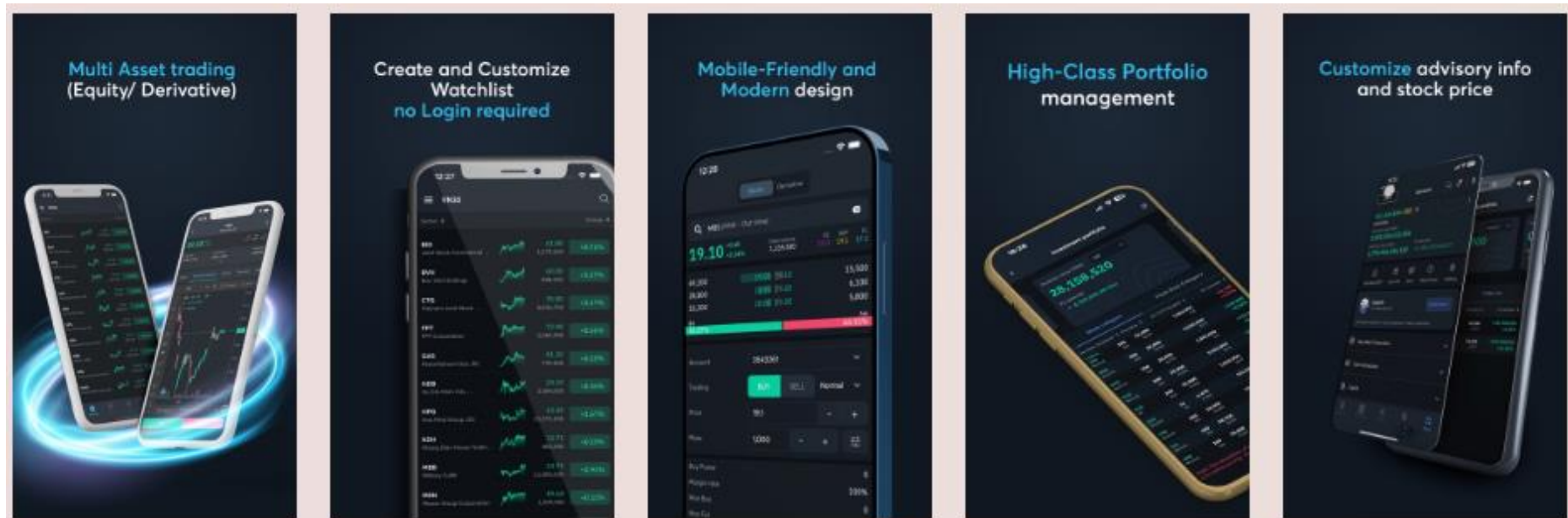


BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

2. Nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và hấp dẫn khách hàng

Hoạt động công nghệ thông tin và số hóa vận hành được đẩy mạnh: triển khai dự án KRX đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của CQQL; làm chủ và tự triển khai nâng cấp hệ thống core cơ sở góp phần tăng trưởng năng lực mạnh mẽ: (1) năng lực xử lý lệnh tăng gấp 3 lần, (2) hỗ trợ người dùng môi giới tăng gấp 10 lần, (3) khả năng xử lý 2 triệu lệnh/ ngày, (4) tăng tốc cung cấp dữ liệu realtime trên mobile app và S24; tăng cường bảo mật hệ thống, triển khai các giải pháp tăng cường an toàn thông tin tại công ty với sự hỗ trợ của MB/Viettel. Trong Quý 4, App MBS đã có nhiều thời điểm đạt TOP1 App công ty chứng khoán trên cả hai nền tảng App Store (IOS) và CH Play (Android). Các hoạt động công nghệ thông tin khác như củng cố và nâng cấp hạ tầng và an ninh công nghệ, quản trị dữ liệu an toàn và tập trung, hỗ trợ mục tiêu quản trị và ra quyết định được chú trọng.

Một số dự án nổi bật đóng góp vào tăng trưởng hoạt động kinh doanh của MBS như: Nâng cấp Trợ lý thông tin Cá heo bạc tỷ với công nghệ AI nhằm hỗ trợ nhà đầu tư đưa ra quyết định nhanh chóng, Pro-advice tư vấn 1:1 cho Khách hàng... Ngoài ra, MBS cũng tập trung triển khai các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số và tối ưu hoạt động vận hành đáp ứng nhanh chóng và kịp thời nhu cầu kinh doanh.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

3. Quản trị rủi ro thông minh, xác lập cơ chế tự quản trị và thiết lập các vòng bảo vệ chắc chắn

Hoạt động quản trị rủi ro chủ động và tiên tiến trong việc giữ vững vai trò tham mưu và giám sát tuân thủ, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh chuyển dịch số toàn diện tại MBS.

Quản trị rủi ro của MBS hướng tới mục tiêu áp dụng các thông lệ tiên tiến trên thị trường, quản trị rủi ro thông minh với việc ưu tiên sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và quản trị dữ liệu hiệu quả.

MBS nỗ lực và hoàn thành xuất sắc mục tiêu không để phát sinh nợ xấu trước việc duy trì dư nợ cao trong cả năm và những diễn biến khó lường về giao dịch toàn thị trường năm 2024.

Ngoài ra, MBS đã tiến hành rà soát & giảm thiểu các sự cố rủi ro, vấn đề truyền thông, rà soát rủi ro hoạt động, đảm bảo hoạt động liên tục trước tình hình thay đổi của các văn bản pháp luật và quy định của cơ quan quản lý, rà soát văn bản quy định đã ban hành, không phát sinh các khiếu nại khiếu kiện.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



KẾT LUẬN:

Năm 2024, MBS đã đạt được một số điểm tích cực trong hoạt động kinh doanh như sau:

- ❖ Duy trì vị thế trên thị trường chứng khoán, tiếp tục là công ty chứng khoán được lựa chọn hàng đầu đối với nhà đầu tư bởi Công ty không ngừng dịch chuyển nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhà đầu tư. Định vị rõ ràng ưu thế của MBS trên thị trường, Công ty xác lập mục tiêu phát triển bền vững, đa dạng các nguồn thu nhập song hành với quản trị rủi ro vì quyền lợi và mong muốn đồng hành cùng phát triển bên cạnh khách hàng.
- ❖ Lợi nhuận trước thuế đạt 930,6 tỷ đồng, mức lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động.
- ❖ Làm chủ nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, ổn định, hỗ trợ tích cực cho chuyển đổi số toàn hệ thống.
- ❖ Các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn đáp ứng theo quy định pháp luật.
- ❖ Tình hình thanh khoản được đảm bảo tốt, quản trị rủi ro an toàn, không để phát sinh nợ xấu.
- ❖ Tổ chức và con người đoàn kết gắn bó, thực hiện tốt công tác Đảng, công tác chính trị.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2025 được dự báo sẽ cải thiện với mức GDP tăng từ 7,5% - 8%, với phương châm hành động “TĂNG TỐC - BỀN VỮNG - HIỆU QUẢ”, MBS quyết tâm hoàn thành các mục tiêu chiến lược với các định hướng hoạt động sau:

1

Dịch chuyển mạnh sang mô hình kinh doanh số.

2

Nâng cao năng lực công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh, tăng tốc chuyển đổi số toàn diện, tăng tiện ích cho khách hàng.

3

Hiệp lực Tập đoàn khai thác hệ sinh thái, phát huy vai trò Công ty chứng khoán trong mô hình kinh doanh trái phiếu của Tập đoàn.

4

Chuẩn hóa dữ liệu hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị.

MỤC TIÊU 2025

DOANH THU

3.370 tỷ đồng

LỢI NHUẬN

1.300 tỷ đồng

THỊ PHẦN BÌNH QUÂN

6,0%

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025



GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

CĂN CỨ CHI TRẢ LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024.
- Quy chế lương và đãi ngộ của công ty
- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Quy chế khen thưởng, phúc lợi của Công ty

STT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng tháng 13	Hưởng phúc lợi
1	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT		x		x	x	x
2	Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	x			x	x	x
3	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên		x		x	x	x
4	Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên		x		x	x	x
5	Ông Phạm Thế Anh	Thành viên độc lập	x			x	x	x
6	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban KS	x			x	x	x
7	Bà Vũ Thị Hương	Thành viên		x		x	x	x
8	Bà Lê Thu Trang	Thành viên		x		x	x	x
9	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc	x		x		x	x

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

CĂN CỨ CHI TRẢ LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỜNG (tiếp theo)

STT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng tháng 13	Hưởng phúc lợi
10	Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
11	Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
12	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên BĐH	x		x		x	x

CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC

Chế độ bảo hiểm sức khỏe, chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ du lịch hàng năm, chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, chế độ sử dụng ô tô, chế độ công tác phí theo thực tế phát sinh và các đãi ngộ khác theo quy định nội bộ Công ty.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Nội dung báo cáo

Chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường để cung cấp bức tranh tổng quan về những hoạt động quan trọng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB và các đơn vị trực thuộc Công ty. Nội dung báo cáo có bao gồm các vấn đề trọng yếu mà các bên liên quan quan tâm về chiến lược phát triển bền vững của MBS.

2. Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo

1. Gắn kết các bên liên quan
2. Bối cảnh phát triển bền vững
3. Tính trọng yếu
4. Tính đầy đủ

3. Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo

1. Tính chính xác: Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này.
2. Tính cân đối: Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có)
3. Tính rõ ràng: Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.
4. Khả năng có thể so sánh: Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.
5. Tính kịp thời: Báo cáo được lập vào tháng 3/2024 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

4. Phạm vi và ranh giới của báo cáo

Báo cáo được lập tại Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán, đầu tư kinh doanh tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS).

Giai đoạn báo cáo: từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023. Báo cáo được công bố trực tuyến tại địa chỉ website www.mbs.com.vn.

5. Thông tin liên hệ

Phát triển bền vững là chiến lược trọng yếu của Công ty tác động đến các bên liên quan. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ:

Phòng Marketing & Truyền thông

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Email: truyenthong@mbs.com.vn

Điện thoại: (84-4) 7304 5688




Địa chỉ: Tầng 7-8, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

CÁC CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG


STT	Hạng mục	Nội dung	Số liệu	Ghi chú
1	Tăng trưởng kinh tế bền vững	Doanh thu	3.131 tỷ đồng	
		Lợi nhuận trước thuế	930,6 tỷ đồng	
		Nộp ngân sách nhà nước	553 tỷ đồng	
		Cổ tức	Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt tỷ lệ 12%	
		Quan hệ nhà đầu tư	Nhiều lượt gặp gỡ	
2	Phát triển nguồn nhân lực	Hoàn thành số giờ đào tạo	Số giờ đào tạo: 14.423 giờ Số giờ đào tạo bình quân: 18,8 giờ/người	
		Số lượt nhân sự được đào tạo tập trung	767 lượt	Bao gồm cả nội bộ và tham gia khóa đào tạo bên ngoài.
		Số lượng chương trình đào tạo đã triển khai	31 chương trình	Bao gồm: - Số lượng chương trình đào tạo nội bộ: 10 khóa - Số lượng chương trình đào tạo bên ngoài: 21 khóa
3	Chung tay vì cộng đồng	Công ty và CBNV đóng góp cho cộng đồng	253.472.726 đồng	Bao gồm: - Thăm hỏi, tặng quà các gia đình bị ảnh hưởng bởi bão Yagi - Ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do bão Yagi tại miền bắc, hỗ trợ phương tiện giúp bà con chống lũ tại Thái Nguyên và Yên Bái (đèn pin, sữa tươi);

			<ul style="list-style-type: none"> - Công trình thanh niên và tặng quà trung thu, tổ chức chương trình “Vui hội trăng rằm 2024” tại Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. - Tặng thiết bị trường học, tủ sách và tặng quà chương trình từ thiện “Vui tết trung thu, cùng em đến trường” tại xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. - Ủng hộ, tài trợ cho Bệnh viện thành phố Thủ Đức thực hiện chương trình khám chữa bệnh cho người dân tại xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái sau bão Yagi.
	Tạo việc làm	1.731 lao động bao gồm CBNV chính thức và cộng tác viên.	Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - 636 CBNV - 50 Tập sự - 1.568 Cộng tác viên
	Liên kết với các trường Đại học	6 trường Đại học lớn, uy tín trên cả nước, đặc biệt tại Hà Nội và TP. HCM.	<ul style="list-style-type: none"> - Học viện Tài chính (Hà Nội): 2023. - Đại học Ngoại thương (Hà Nội) - Đại học Văn Hiến (TP. HCM) - Đại học Quốc tế (TP. HCM) - Học viện Ngân hàng (Hà Nội) - Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội (chương trình Ngày hội tuyển dụng, cuộc thi phân tích đầu tư tài chính, company tour...)
	Tuyển dụng	74 nhân sự 60 Tập sự	Tuyển dụng được kịp thời nhân sự cho các đơn vị trên toàn hệ thống. Ngoài ra còn có lực lượng Tập sự, Thực tập sinh được đào tạo tại Công ty để tạo nguồn nhân sự kế cận

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

 ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG	 ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	 ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ
<p>MBS luôn cam kết cung cấp những giải pháp phù hợp với từng đối tượng khách hàng.</p> <p>Trong những năm qua, MBS đã không ngừng mở rộng tệp khách hàng, đặc biệt tận dụng bán chéo sản phẩm dịch vụ và tận dụng tệp khách hàng của Ngân hàng mẹ MB.</p> <p>Khách hàng của MBS không chỉ được cung cấp sản phẩm dịch vụ của MBS mà còn được cung cấp thêm nhiều giá trị gia tăng từ sản phẩm dịch vụ thuộc Tập đoàn MB. Những giá trị mà MBS mang lại cho khách hàng đã khẳng định vị thế của một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường, tạo niềm tin vững chắc cho khách hàng khi lựa chọn sản phẩm dịch vụ của MBS.</p>	<p>MBS luôn đặt con người là trọng tâm trong mọi hoạt động.</p> <p>Với các chính sách nhân sự, chế độ đãi ngộ và phúc lợi tốt MBS đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu nhiệt huyết gắn bó với nghề.</p> <p>Chính nhờ sự tiên phong, sáng tạo, kỷ luật, đoàn kết và tận tâm, đội ngũ nhân sự MBS đã đồng hành cùng công ty vượt qua mọi giai đoạn khó khăn để tiếp tục vươn lên gặt hái những thành quả trong giai đoạn phát triển mới</p>	<p>MBS luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính, UBCKNN và của các Sở giao dịch chứng khoán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cho cổ đông và nhà đầu tư đồng thời chủ động công bố thông tin quan trọng có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định của nhà đầu tư.</p> <p>Trong năm 2024, MBS thực hiện trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt tỷ lệ 12%.</p>

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

 ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC	 ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG	 ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN
<p>Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, MBS luôn tuân thủ nguyên tắc hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.</p> <p>Là một trong những công ty chứng khoán thành lập đầu tiên của Thị trường chứng khoán Việt Nam, MBS luôn phấn đấu nằm trong TOP các công ty chứng khoán hàng đầu, với uy tín và kinh nghiệm của mình, MBS đã tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với hàng trăm đối tác. Họ đã, đang và sẽ luôn sẵn sàng đồng hành cùng MBS trên con đường chinh phục những thử thách mới.</p>	<p>Một doanh nghiệp phát triển bền vững không thể tách rời các lợi ích chung của xã hội. Chính vì thế MBS đã xác định trách nhiệm của mình đối với hoạt động xác hội cộng đồng.</p> <p>Công đoàn MBS đã thực hiện vai trò là cầu nối để tâm lòng của CBNV MBS đến được với những hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn, bất hạnh, chung tay mang lại những điều tốt đẹp, ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội. Hậu Covid cũng như thiên tai đang ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của doanh nghiệp nhưng MBS vẫn tổ chức các chương trình từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như hướng đến xây dựng thương hiệu nhân văn, thân thiện với cộng đồng.</p>	<p>MBS tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy chuẩn hiện hành của pháp luật Việt Nam trong mọi hoạt động cũng như đóng góp vào ngân sách Nhà nước đầy đủ.</p> <p>MBS đã xây dựng và tăng cường mối quan hệ tốt với các Bộ, Ban, Ngành nhưng không lợi dụng mối quan hệ này để đạt lợi ích bất chính.</p>
<div style="text-align: center;">  ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG </div> <p>MBS xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với báo chí trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp.</p> <p>Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp cơ quan báo chí, truyền thông có được những thông tin chính xác về tình hình hoạt động của Công ty. Ngoài ra, MBS cũng chú trọng xây dựng các cơ chế xử lý khủng hoảng truyền thông, bình tĩnh đính chính các thông tin sai lệch cũng như đưa ra những phát ngôn khéo léo và chuẩn mực trước cơ quan báo đài.</p>		

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

MBS đã xây dựng cơ chế hiệu quả nhằm tăng cường quá trình trao đổi thông tin. Các kênh tương tác được thiết lập và củng cố đảm bảo tính chủ động, đầy đủ, sâu sát, kịp thời trong việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan, làm cơ sở cho việc cải tiến, phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty theo hướng bền vững.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ	<ul style="list-style-type: none"> - ĐHĐCĐ thường niên. - Website MBS. - Fanpage MBS. - Fanpage MBS Online. - Youtube MBS. - Gặp gỡ trực tiếp. - Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kinh doanh tốt. - Thông tin minh bạch, rõ ràng, kịp thời và chính xác. - Năng lực quản trị Công ty tăng. - Giá trị Công ty tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư có chiều sâu vào hoạt động truyền thông, marketing. - Thực hiện chi trả cổ tức. - Hoàn thiện hệ thống Quản trị Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu năm 2024 đạt 3.131 tỷ đồng. - Lợi nhuận trước thuế đạt 930,6 tỷ đồng.

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
<ul style="list-style-type: none"> - KHÁCH HÀNG - 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ nhân viên dịch vụ ngân hàng đầu tư, môi giới, tư vấn. - Tiếp xúc trực tiếp tại sàn giao dịch, tại trụ sở của đối tác... - Hội nghị tri ân khách hàng. - Tổng đài Contact24. - Website, youtube, email, facebook - Hội thảo chuyên ngành. - Chương trình khảo sát khách hàng/ thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng dịch vụ tốt, giá/phí cạnh tranh. - Địa điểm giao dịch thuận tiện. - Giao dịch thuận tiện, an toàn, bảo mật đặc biệt trên nền tảng số. - Nhân viên thân thiện, nhiệt tình, tận tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao trình độ đội ngũ broker và nghiệp vụ quầy giao dịch. - Nâng cao chất lượng các hội thảo chuyên môn, các báo cáo phân tích, khuyến nghị đầu tư. - Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo. - Đầu tư hạ tầng cơ sở, thường xuyên nâng cấp phần mềm/ ứng dụng giao dịch. - Tổ chức tri ân khách hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - MBS Mobile App là nền tảng giao dịch chứng khoán toàn diện, tích hợp AI với trợ lý Dolphin để phân tích thị trường và gợi ý đầu tư. Ứng dụng đảm bảo an toàn với hệ thống bảo mật MBS RASP chống tấn công mạng/chiếm quyền trái phép và Smart OTP/chữ ký số CA trong bảo mật giao dịch. App MBS hỗ trợ giao dịch cổ phiếu, trái phiếu, liên kết sức mua với MB Bank, cùng dịch vụ tư vấn chuyên sâu qua Pro-Advice. Mục tiêu 2025 là đẩy mạnh số hóa, tối ưu trải nghiệm khách hàng, nâng cao vị thế trên thị trường. - S24 là nền tảng web trading hợp nhất và tối ưu hóa các file tĩnh để giảm số lượng request khi tải trang. Nén dữ liệu (Compression): thuật toán nén (Gzip, Brotli) đảm bảo S24 hoạt động mượt mà trên cả máy tính, điện thoại và máy tính bảng. Chống tấn công DDoS: Nâng cấp hệ thống bảo vệ để giảm thiểu rủi ro bị tấn

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
				<ul style="list-style-type: none"> - công từ chối dịch vụ. Giao diện cá nhân hóa: Tùy chỉnh danh mục đầu tư, cảnh báo giá và hiển thị thông tin theo nhu cầu cá nhân. - Đội ngũ broker được đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng mềm. - Đẩy mạnh các chương trình bán, phát triển các gói dịch vụ đa dạng, linh hoạt, phù hợp với khẩu vị đầu tư của từng khách hàng. <p>Tăng cường thực hiện các cuộc khảo sát để hiểu rõ nhu cầu và mong muốn của khách hàng từ đó xây dựng và điều chỉnh các tính năng và sản phẩm cho phù hợp.</p>

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
CƠ QUAN QUẢN LÝ	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc trực tiếp. - Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Cơ quan quản lý tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các quy định của Nhà nước và pháp luật liên quan đến hoạt động của ngành. - Tích cực tham gia các hoạt động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. - Tham gia ý kiến vào việc xây dựng các văn bản về chính sách, quy chế và tích cực tham gia hoạt động của cơ quan quản lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Năm 2024 nộp ngân sách Nhà nước hơn 553 tỷ đồng.
CÁC HIỆP HỘI	Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam tổ chức.	Là thành viên tích cực của Hiệp hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tích cực vào hoạt động của Hiệp hội. - Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính với các Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. - Tham gia đầy đủ các hội thảo, hội nghị do Hiệp hội tổ chức và/hoặc chỉ đạo tham dự. - Được Hiệp hội Kinh doanh chứng khoán Việt Nam ghi nhận là một trong những thành viên tích cực nhất trong hoạt động của Hiệp hội.

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
BÁO CHÍ	<ul style="list-style-type: none"> - Các hội thảo, hoạt động do các cơ quan báo chí tổ chức. - Tổ chức gặp mặt và giao lưu gắn kết. - Duy trì trao đổi thông tin qua email và các nền tảng xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có cơ chế tiếp cận thông tin về hoạt động của Công ty nhanh chóng. - Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động cập nhật thông tin cho cơ quan báo chí. - Cung cấp thông tin chuyên ngành cho cơ quan báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia trả lời phỏng vấn trên báo giấy, báo online và xuất hiện trên truyền hình VTV. - Xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ tốt với cơ quan truyền thông, báo chí.
NGƯỜI LAO ĐỘNG	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Khối Nhân sự, Công đoàn. - Thông qua quản lý trực tiếp. - Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. - Thông qua lễ sơ kết, tổng kết thường niên. - Thông qua hoạt động nghỉ mát, kỷ niệm sinh nhật công ty, phong trào thể thao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công việc ổn định. - Môi trường làm việc thân thiện. - Thu nhập ổn định và có sự tăng trưởng. - Chính sách phúc lợi đầy đủ và được đảm bảo. - Có chính sách đào tạo và cơ hội phát triển, thăng tiến. - Được quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo việc làm ổn định, mở rộng cơ hội việc làm thông qua mở rộng sản phẩm dịch vụ kinh doanh và tuyển dụng nhân sự mới. - Chi trả thu nhập ổn định, thu nhập gắn với hiệu quả công việc để tạo động lực cho người lao động. - Định kỳ rà soát chính sách lương thưởng phù hợp với thị trường. - Ban hành và thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động: khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe, chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, hỗ trợ thể chất... 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2024, số lượng CBNV mới được tuyển dụng là 74 người, số lượng tập sự là 60 người. - Thực hiện trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh đúng hạn, lương bình quân của người lao động năm 2024 có tăng trưởng so với năm 2023 trong điều kiện thị trường chứng khoán diễn biến phức tạp, có nhiều khó khăn.

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các sự kiện nội bộ: 8/3, 1/6, trung thu, 20/10... - Thông qua các chương trình Về nguồn, các chương trình xã hội cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Được ghi nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, tổ chức kiểm tra kiến thức chuyên môn định kỳ. - Xây dựng các chương trình thi đua thúc đẩy kinh doanh. - Tạo điều kiện để các tổ chức quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ) phát huy vai trò xây dựng môi trường văn hóa thân thiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. - Tiếp tục duy trì mua Bảo hiểm sức khỏe cho CBNV với các quyền lợi được mở rộng và gia tăng thêm so với năm 2023. - Trong năm 2024, 22 đơn vị và 124 cá nhân đã được vinh danh khen thưởng. - Số giờ đào tạo bình quân/ người vượt chỉ tiêu đề ra. - Phát động chương trình thi đua kinh doanh tại các Chi nhánh.
CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI	Tiếp xúc trực tiếp với người dân và chính quyền địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Góp phần giúp đỡ những người hoạn nạn, bị ảnh hưởng bởi thiên tai. - Góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn, vùng sâu, vùng xa. 		Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Thăm hỏi, tặng quà các gia đình bị ảnh hưởng bởi bão Yagi - Ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do bão Yagi tại miền bắc, hỗ trợ phương tiện giúp bà con chống lũ tại Thái Nguyên và Yên Bái (đèn pin, sửa tưới);

**CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN
VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
(tiếp theo)**

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
		<ul style="list-style-type: none"> - Góp phần tạo ngân hàng máu giúp đỡ bệnh nhân. 		<ul style="list-style-type: none"> - Công trình thanh niên và tặng quà trung thu, tổ chức chương trình “Vui hội trăng rằm 2024” tại Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. - Tặng thiết bị trường học, tủ sách và tặng quà chương trình từ thiện “Vui tết trung thu, cùng em đến trường” tại xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. - Ủng hộ, tài trợ cho Bệnh viện thành phố Thủ Đức thực hiện chương trình khám chữa bệnh cho người dân tại xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái sau bão Yagi.

ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

1. HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ

- Kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc trong năm 2024:
 - + Tổng doanh thu năm 2024 đạt 3.131 tỷ đồng, bằng 171% so với năm 2023, hoàn thành 112% kế hoạch cả năm 2024.
 - + Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 930,6 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch cả năm, tương đương 130% so với năm 2023.
- Các hoạt động kinh doanh cốt lõi tại MBS:
 - + Hoạt động Môi giới chuyển đổi số toàn diện, tỷ lệ khách hàng giao dịch trên các nền tảng số đạt 98%.
 - + Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – IB nâng cao uy tín, mở rộng đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm.
 - + Hoạt động đầu tư vượt trội, giữ vững uy tín đảm bảo tỷ suất sinh lời cao hơn mức kế hoạch đặt ra.
- Hoạt động Nghiên cứu chuyên sâu với thông tin, báo cáo song ngữ và chất lượng tư vấn tốt.
- Nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và hấp dẫn khách hàng.
- Quản trị rủi ro thông minh, xác lập cơ chế tự quản trị và thiết lập các vòng bảo vệ chắc chắn.

Tóm lại:

MBS luôn duy trì vị thế và có sự tăng trưởng về thị phần, lợi nhuận trên thị trường chứng khoán, tiếp tục là công ty chứng khoán được lựa chọn hàng đầu đối với nhà đầu tư bởi Công ty không ngừng dịch chuyển nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhà đầu tư, tăng trải nghiệm khách hàng.

Định vị rõ ràng ưu thế của MBS trên thị trường, Công ty xác lập mục tiêu phát triển bền vững, đa dạng các nguồn thu nhập song hành với quản trị rủi ro vì quyền lợi và mong muốn đồng hành cùng phát triển bên cạnh khách hàng.

ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

2. NĂNG LƯỢNG, CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI, MÔI TRƯỜNG

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, các hoạt động của MBS không gây tác động trực tiếp đến môi trường nhưng MBS luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động nội bộ bằng nhiều hình thức: tổ chức các cuộc thi Sáng kiến cải tiến trong đó có nội dung về tiết kiệm điện, nước, tái sử dụng giấy văn phòng. MBS tuân thủ quy định về phân loại rác thải và xử lý nước thải của các Ban quản lý tòa nhà.

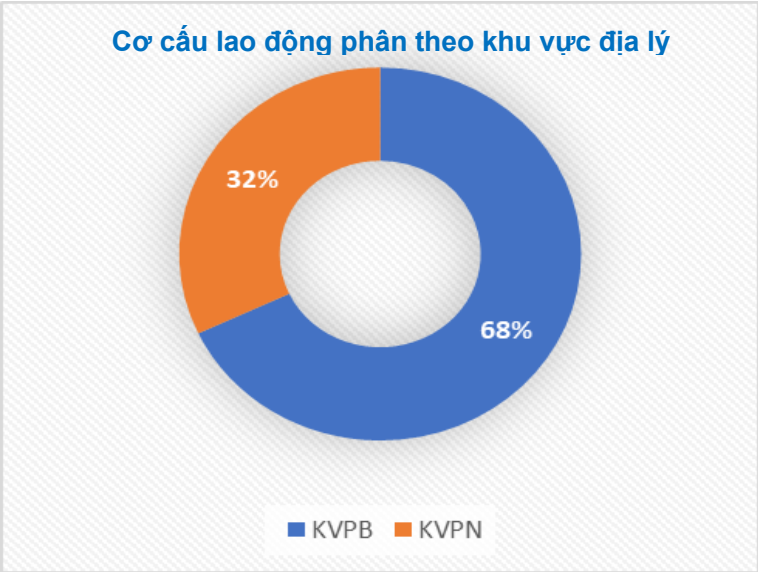
Trong năm 2024, MBS luôn tuân thủ quy định về môi trường, thường xuyên đặt cây xanh trong văn phòng để tạo môi trường xanh, tái sử dụng giấy một mặt, phân loại rác thải nhựa, giảm thải giấy in, sử dụng chai thủy tinh...

3. VIỆC LÀM

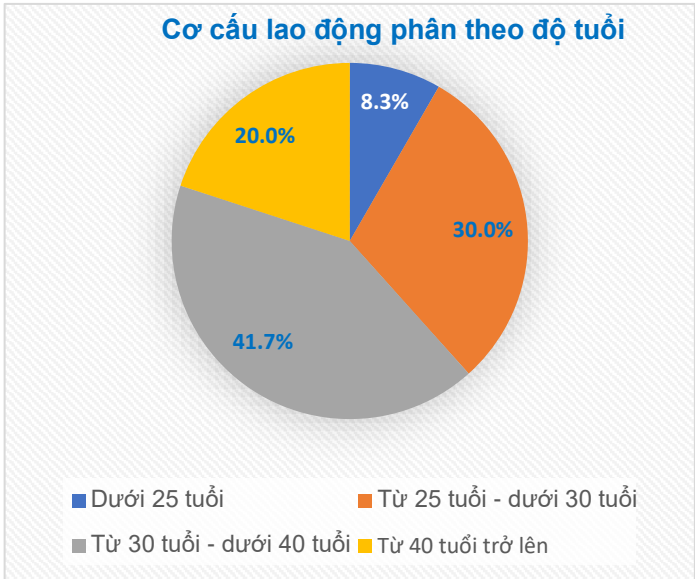
Tổng nhân sự làm việc tại MBS tính đến thời điểm 31/12/2024 là 636 người. Lực lượng lao động tại MBS đa phần là lao động trẻ, có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với ngành tài chính chứng khoán. Cơ cấu lao động theo giới tính cân bằng, thâm niên hợp lý với đặc thù ngành nghề.

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng CBNV	Tỷ lệ trên tổng số CBNV Công ty
Khu vực		
Miền bắc	430	68%
Miền nam	206	32%
Giới tính		
Nam	310	49%
Nữ	326	51%
Nhóm tuổi		
Dưới 25 tuổi	53	8,3%
Từ 25 tuổi - dưới 30 tuổi	191	30,0%
Từ 30 tuổi - dưới 40 tuổi	265	41,7%
Từ 40 tuổi trở lên	127	20,0%

ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)



Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng CBNV	Tỷ lệ trên tổng số CBNV
Trình độ đào tạo		
Trên đại học	53	8,33%
Đại học	570	89,62%
Cao đẳng + khác	13	2,04%
Cấp quản lý		
Cấp cao	23	3,62%
Cấp trung	58	9,12%
Nhân viên	555	87,26%



ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

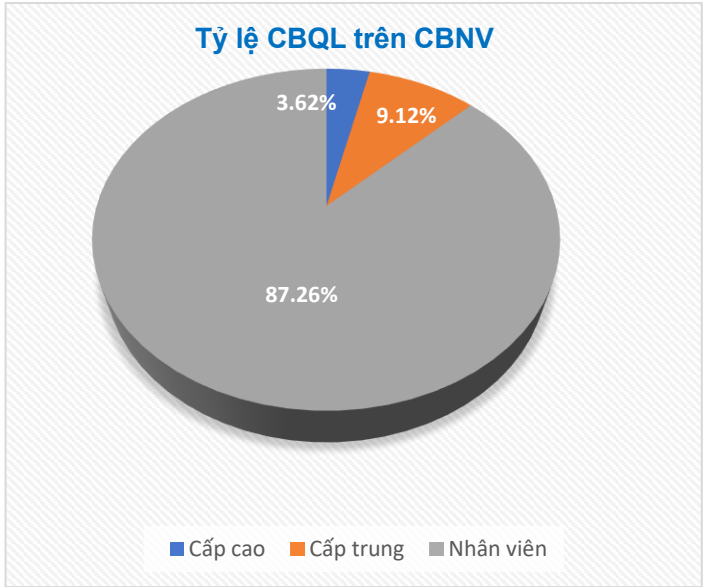
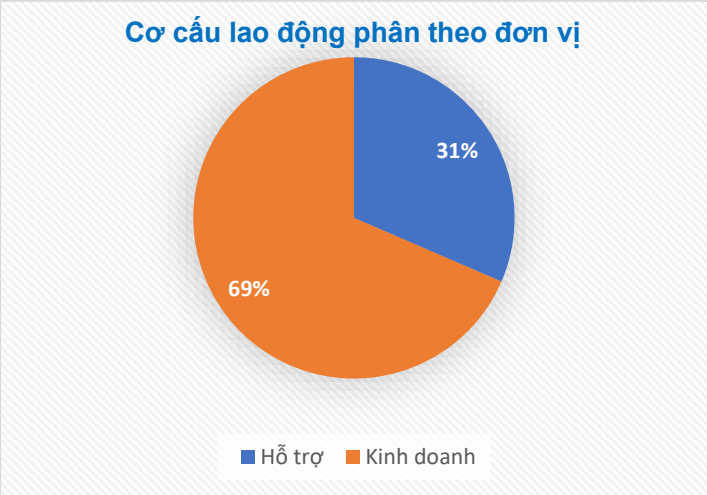


Thu hút nhân sự giỏi

Năm 2024, MBS đẩy mạnh phát triển kinh doanh số, công nghệ hóa quy trình làm việc, tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực và hiệu suất lao động theo mục tiêu chiến lược cùng với chế độ đãi ngộ phong phú, thu nhập gắn với năng suất lao động.

Trong công tác tuyển dụng, MBS không ngừng đa dạng hóa các kênh tuyển dụng cũng như thay đổi phương thức tiếp cận nguồn nhân lực. Hình ảnh thương hiệu tuyển dụng của MBS ngày càng được đánh giá chuyên nghiệp, uy tín trong mắt ứng viên, đối tác và khách hàng. MBS đã thu hút được nhân sự tại các vị trí chủ chốt, giữ chân và ổn định đội ngũ nhân sự nòng cốt.

Bên cạnh đó, những chương trình hợp tác thường xuyên với các trường đại học lớn tại Hà Nội và TP. HCM cũng mở ra nhiều cơ hội tìm kiếm ứng viên trẻ tiềm năng cho MBS.



ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Tại MBS, chế độ bảo hiểm cho người lao động được thực hiện đầy đủ, các chính sách phúc lợi thường xuyên được rà soát để đảm bảo người lao động được quan tâm một cách tối đa. Đây cũng là một yếu tố cạnh tranh trên thị trường lao động.

❖ Chế độ cho lao động nữ, chế độ thai sản, ốm đau:

Lao động nữ được nghỉ thai sản 6 tháng theo Luật lao động và khi quay trở lại làm việc được nghỉ 1 tiếng/ngày trong thời gian con dưới 12 tháng tuổi. Lao động nam được nghỉ thai sản theo chế độ từ 5 - 14 ngày vợ sinh con. Người lao động tại MBS có thể yên tâm nghỉ ngơi, chăm sóc con cái, phục hồi sức khỏe sau sinh... Các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng sức... được MBS tạo điều kiện nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động.

❖ Các chính sách bảo hiểm:

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật lao động, MBS đã triển khai mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên và các quyền lợi liên tục được mở rộng và gia tăng để bảo vệ quyền lợi của Người lao động một cách tối ưu.

MBS cũng triển khai khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ nhân viên với danh mục khám thiết thực, bổ sung các xét nghiệm cần thiết nhằm phát hiện sớm các bệnh nguy hiểm như một số bệnh ung thư phổ biến (ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư tuyến giáp...), đột sống cổ, thất lũng và viêm gan B....

Hàng năm, MBS cũng trích ngân sách tặng quà, hỗ trợ các cán bộ nhân viên bị bệnh hiểm nghèo, sức khỏe yếu, sẻ chia gánh nặng và khích lệ tinh thần cán bộ nhân viên yên tâm công tác



ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

Giáo dục và Đào tạo

Năm 2024, MBS tiếp tục triển khai được nhiều chương trình đào tạo cho cán bộ nhân viên nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Đặc biệt, các chương trình đào tạo nội bộ được chú trọng và đẩy mạnh với các chế độ cho giảng viên nội bộ nhằm khuyến khích CBNV tham gia tích cực cho các hoạt động đào tạo.

Tổng số giờ đào tạo (giờ)	Số lượt đào tạo (lần)	Số giờ đào tạo trung bình (giờ/ người)
14.423	767	18,8

MBS cũng tích cực hợp tác với các trường đại học trên cả nước để tổ chức các chương trình, tạo sân chơi cho các bạn sinh viên và gia tăng kiến thức, kỹ năng thực tế tại doanh nghiệp. Đồng thời liên kết với các trung tâm đào tạo để tổ chức các chương trình đào tạo kiến thức chuyên môn và kỹ năng cho CBNV.



ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU (tiếp theo)

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

❖ Không phân biệt đối xử:

Tại MBS, con người được đối xử công bằng và bình đẳng, không có sự phân biệt về giới tính, dân tộc, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe. MBS cũng luôn tuân thủ nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong tuyển dụng, giao việc, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, nâng lương, quy hoạch, bổ nhiệm... Lao động nữ tại MBS chiếm 51% tổng số lao động và 46% tổng số cán bộ quản lý. Lao động nữ tại MBS luôn được quan tâm, tạo điều kiện để phát triển nghề nghiệp, ổn định cuộc sống. MBS luôn coi trọng bình đẳng giới trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.

❖ Công bằng trong đánh giá, khen thưởng và ghi nhận thành tích:

Đây là một trong những yếu tố quan trọng để tạo động lực cho người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty. Chính vì thế nội dung này luôn được Ban lãnh đạo công ty chú trọng, thể hiện qua việc:

- Giao mục tiêu công việc/ kế hoạch kinh doanh từ đầu năm một cách rõ ràng theo tiêu chí SMART tới từng đơn vị, phòng ban và cá nhân người lao động. Mục tiêu được giao căn cứ trên cơ sở mục tiêu chung của công ty.
- Định kỳ, Công ty đánh giá kết quả thực hiện công việc dựa trên kết quả kinh doanh, kết quả làm việc của người lao động.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty sẽ trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh cho người lao động. Thông qua kết quả này, Công ty cũng đánh giá được các chương trình đào tạo cần tập trung cho người lao động để phát huy thế mạnh hoặc bù đắp thiếu hụt cũng như quy hoạch nhân sự nguồn cho Công ty.

Cộng đồng

Hoạt động từ thiện xã hội luôn được MBS quan tâm và thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Công đoàn đã tổ chức các chương trình từ thiện để chia sẻ khó khăn và góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn ở vùng sâu, vùng xa. Trong nhiều năm qua, MBS đã đặt chân tới nhiều nơi, mang tình cảm và sự chia sẻ tới người dân ở các tỉnh vùng núi phía bắc, miền trung và cả những tỉnh khó khăn phía nam như Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang, Quảng Bình, Bình Phước, Phú Yên...

Hoạt động tri ân, tặng quà cho các thương binh liệt sỹ là người thân của CBNV Công ty cũng là một trong những hoạt động ý nghĩa được tổ chức thường niên tại MBS. Ngoài ra, MBS còn quan tâm tới đời sống của CBNV, hàng năm Công đoàn công ty đều thăm hỏi và có phần quà gửi tặng những CBNV không may bị mắc bệnh hiểm nghèo, gặp hoàn cảnh khó khăn...

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, MBS luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của MBS. Trong đó, mục tiêu kinh tế được xem là mục tiêu quan trọng tiên quyết hàng đầu vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần và đủ để thực hiện tiếp nối các mục tiêu xã hội, môi trường.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, MBS thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa MBS với các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Duy trì và ổn định hệ thống

Trước tính cạnh tranh ngày càng cao trên thị trường, đặc biệt khi công nghệ liên tục phát triển, MBS đã nhanh chóng lựa chọn hướng đi phù hợp với hoàn cảnh mới, đó là: kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và phát triển các sản phẩm công nghệ, đáp ứng nhu cầu và xu thế chung của toàn xã hội. Do vậy, nguồn nhân lực được tối ưu hóa, chế độ và phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên vẫn được đảm bảo, đồng thời hoạt động kinh doanh số đạt được những kết quả tích cực.

Quản trị rủi ro

MBS là công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ đầu tư tài chính. Mục tiêu Quản trị rủi ro của MBS là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư kinh doanh, tư vấn, môi giới... bảo đảm với mức chi phí hợp lý và sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động này, hướng đến việc duy trì và phát triển doanh nghiệp ổn định gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội. Một trong những động lực chính làm gia tăng nhu cầu đối với việc áp dụng quản trị rủi ro phát triển bền vững là yêu cầu tuân thủ ngày càng nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Phòng Quản trị rủi ro MBS đã và đang tập trung thiết lập hệ thống Quản trị rủi ro toàn diện nhằm nhận diện, phân loại, đánh giá và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả với các rủi ro nhằm đảm bảo Công ty có thể hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra, nhất là với thị trường biến động liên tục. Bên cạnh việc đào tạo đội ngũ và hoàn thiện quy trình Quản trị rủi ro, MBS còn thực hiện đào tạo về nhận diện, phòng tránh và xử lý rủi ro cho đội ngũ kinh doanh để hạn chế tối đa rủi ro phát sinh.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Con người

Đặt con người là trọng tâm, MBS thường xuyên rà soát các chính sách tuyển dụng, lương thưởng cùng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi tốt để thu hút và giữ chân nhân tài. Các hoạt động đào tạo cũng được chú trọng về chiều sâu bao gồm chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết cho công việc. Trên cơ sở đó, MBS đầu tư đào tạo đội ngũ nhân sự kế cận từ nguồn nội bộ, tạo cơ hội phấn đấu cho người lao động phát huy thế mạnh, tận tâm cống hiến và gắn bó.

Ngoài ra, tại MBS, văn hóa nội bộ cũng được chú trọng phát triển nhằm tạo tinh thần và không khí làm việc vui vẻ, xây dựng một môi trường năng động, trẻ trung và gắn kết.

Sản phẩm và công nghệ

Ngoài tiếp tục duy trì và nâng cấp các phần mềm giao dịch chứng khoán cơ sở và phái sinh, MBS không ngừng cải tiến và nghiên cứu các sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng đa dạng của khách hàng và nhà đầu tư như: liên tục bổ sung và cập nhật tính năng trên ứng dụng điện thoại MBS Mobile App và phần mềm giao dịch chứng khoán trên máy tính S24. Ngoài các sản phẩm tài chính do MBS cung cấp, khách hàng còn được tiếp cận và gia tăng tiện ích với hàng loạt các sản phẩm tài chính khác

Quan hệ nhà đầu tư

Các đơn vị kinh doanh nòng cốt như Dịch vụ chứng khoán dành cho Khách hàng tổ chức, Khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng đầu tư; Bộ phận Kinh doanh trái phiếu; Bộ phận Quản lý Cổ đông tiếp tục đóng vai trò là chiếc cầu nối thông tin quan trọng nhằm kết nối Công ty với nhà đầu tư và cổ đông. Năm 2024, MBS thực hiện hàng trăm lượt trao đổi với các nhà đầu tư trong nước, chủ động tiếp xúc với nhà đầu tư và các công ty chứng khoán nước ngoài để giới thiệu cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai bên. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tiếp xúc và thảo luận với các bên liên quan thông qua các cuộc họp nhằm thực hiện tốt minh bạch hóa thông tin thông qua việc cập nhật các tin tức, báo cáo, thông tin trọng yếu có ảnh hưởng đến lợi ích các bên liên quan.

Tăng trưởng kinh tế bền vững

2024 là năm đánh dấu những kết quả nổi bật về kết quả hoạt động kinh doanh của MBS kể từ khi thành lập khi lợi nhuận đạt kỷ lục trong lịch sử hình thành. Tuy đối diện với sự cạnh tranh khốc liệt trong điều kiện thị trường phát triển công nghệ liên tục, con người MBS vẫn luôn kiên định, vững vàng vượt qua mọi khó khăn, đồng thời không ngừng sáng tạo, nắm bắt thời cơ, nhanh chóng tìm ra những hướng đi mới để thích nghi với mọi hoàn cảnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024

THÔNG TIN CHUNG

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán	116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 112/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 11 năm 2022 21/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 4 năm 2024 75/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 10 năm 2024 01/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2025 Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là GPĐCKDCK số 01/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2025.										
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	0106393583 ngày 24 tháng 1 năm 2025 Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 1 năm 2025.										
Hội đồng Quản trị	<table> <tr> <td>Ông Lê Viết Hải</td> <td>Chủ tịch</td> </tr> <tr> <td>Ông Phan Phương Anh</td> <td>Phó Chủ tịch</td> </tr> <tr> <td>Ông Phạm Thế Anh</td> <td>Thành viên HĐQT độc lập</td> </tr> <tr> <td>Bà Nguyễn Minh Hằng</td> <td>Thành viên</td> </tr> <tr> <td>Ông Phạm Xuân Thanh</td> <td>Thành viên</td> </tr> </table>	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch	Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch	Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT độc lập	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên
Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch										
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch										
Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT độc lập										
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên										
Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên										

Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thị Hoa Bà Vũ Thị Hương Bà Lê Thu Trang	Trưởng Ban Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phan Phương Anh Bà Phùng Thị Thanh Hà Ông Lê Thành Nam Ông Nguyễn Xuân Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 17/4/2024)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Tầng 7 và 8, Tòa nhà MB Số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty Kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Báo cáo tài chính được trình bày từ trang đến trang đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Phan Phương Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 74 đến trang 178.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00202-25-4



Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

A blue ink signature of Lê Nhật Vương, written in a cursive style.

Lê Nhật Vương
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3849-2022-007-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 130)	100		21.873.571.497.790	14.673.785.853.603
I. Tài sản tài chính	110		21.853.905.561.273	14.653.942.454.462
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	1.773.543.835.124	571.249.283.464
1.1. Tiền	111.1		1.749.543.835.124	441.249.283.464
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		24.000.000.000	130.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	8(a)	1.973.818.318.843	1.122.927.028.267
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	8(b)	4.994.512.493.078	2.322.623.532.176
4. Các khoản cho vay	114	8(c)	10.293.729.065.183	9.218.483.030.175
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115	8(d)	2.706.379.850.371	1.261.568.020.233
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8(f)	(98.400.705.976)	(82.554.833.496)
7. Các khoản phải thu	117	9	231.234.916.889	231.545.521.630
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	9	231.234.916.889	231.545.521.630
7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận, các khoản đầu tư đáo hạn	117.3	9	29.172.766.557	18.938.175.105
7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	9	202.062.150.332	212.607.346.525
8. Trả trước cho người bán	118	10	8.229.736.516	7.244.255.581
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	11	7.852.593.150	8.185.032.933
12. Các khoản phải thu khác	122	12	4.537.982.300	6.141.214.423
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	13	(41.532.524.205)	(13.469.630.924)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

			31/12/2024	31/12/2023
	Mã số	Thuyết minh	VND	VND
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		19.665.936.517	19.843.399.141
1. Tạm ứng	131		1.660.202.400	2.470.035.093
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		566.344.886	416.842.037
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	14	2.331.860.009	1.848.992.789
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	15(a)	15.090.000.000	15.090.000.000
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	26	17.529.222	17.529.222

B.	TÀI SẢN DÀI HẠN				
	(200 = 210 + 220 + 250)	200		258.309.153.265	651.339.586.365
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		-	327.320.000.000
2.	Các khoản đầu tư	212		-	327.320.000.000
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	8(b)	-	327.320.000.000
II.	Tài sản cố định	220		155.678.821.099	206.786.906.897
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	16	126.719.606.413	162.412.667.661
	- Nguyên giá	222		313.472.981.714	308.812.794.289
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(186.753.375.301)	(146.400.126.628)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	17	28.959.214.686	44.374.239.236
	- Nguyên giá	228		103.045.231.066	105.202.602.066
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(74.086.016.380)	(60.828.362.830)
V.	Tài sản dài hạn khác	250		102.630.332.166	117.232.679.468
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15(b)	2.514.566.867	1.370.526.750
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	18	59.466.924.868	76.659.574.139
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	19	10.477.959.835	9.051.997.999
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	20	20.000.000.000	20.000.000.000
5.	Tài sản dài hạn khác	255	21	10.170.880.596	10.150.580.580
	TỔNG TÀI SẢN	270		22.131.880.651.055	15.325.125.439.968
	(270 = 100 + 200)				

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ				
(300 = 310 + 340)	300		15.223.341.794.443	10.286.928.941.374
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		14.161.986.237.762	9.880.737.830.263
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	22	13.069.703.217.309	9.598.508.546.852
1.1 Vay ngắn hạn	312		13.069.703.217.309	9.598.508.546.852
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	23	21.551.998.147	14.556.093.607
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	24	11.493.708.210	16.250.539.155
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	25	683.151.902.000	2.171.002.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	26	120.310.511.245	76.712.883.674
11. Phải trả người lao động	323		4.083.140.070	7.284.861.104
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		2.712.107.420	2.815.463.220
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	27	165.344.593.730	98.478.625.384
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		3.050.871.308	879.612.906
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	28	14.530.406.797	4.828.606.935
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		66.053.781.526	58.251.595.426
II. Nợ phải trả dài hạn	340		1.061.355.556.681	406.191.111.111
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	29	1.061.355.556.681	406.191.111.111

D	VỐN CHỦ SỞ HỮU						
	(400 = 410)			400	6.908.538.856.612	5.038.196.498.594	
I.	Vốn chủ sở hữu			410	6.908.538.856.612	5.038.196.498.594	
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu			411	30	6.062.944.519.673	4.375.946.418.400
1.1.	Vốn góp của chủ sở hữu			411.1		5.728.129.810.000	4.376.699.930.000
a.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			411.1a		5.728.129.810.000	4.376.699.930.000
1.2.	Thặng dư vốn cổ phần			411.2		335.558.320.000	-
1.5	Cổ phiếu quỹ			411.5		(743.610.327)	(753.511.600)
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ			415		24.516.764.528	24.516.764.528
6.	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			416		1.625.982.305	1.625.982.305
7.	Lợi nhuận chưa phân phối			417		819.451.590.106	636.107.333.361
7.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện			417.1		789.317.719.875	618.419.678.969
7.2	Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện			417.2		30.133.870.231	17.687.654.392
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			440		22.131.880.651.055	15.325.125.439.968
	(440 = 300 + 400)						

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
2.		Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (VND)		
	002	31(a)	9.883.660.000	9.883.660.000
4.		Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		
	004	31(b)	523.771.059.597	536.256.334.418
5.		Ngoại tệ các loại		
	005	31(c)		
		USD	88	88
		JPY	780	780
6.		Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		
	006	30(b)	572.782.940	437.639.552
7.		Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		
	007	30(b)	30.041	30.441
8.		Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSD") của công ty chứng khoán (VND)		
	008	31(d)	3.038.359.070.000	541.483.010.000
9.		Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán (VND)		
	009		150.000	90.000
10.		Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán (VND)		
	010		178.000.000	6.510.000.000
12.		Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán (VND)		
	012	31(e)	60.545.580.000	60.545.580.000
14.		Chứng quyền (Số lượng)		
	014		30.392.600	22.818.800

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND		
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG						
1.		Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	31(f)	53.070.947.018.000	42.392.801.734.000
a.		<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		30.428.360.868.000	23.569.969.732.000
b.		<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2		737.526.900.000	356.113.530.000
c.		<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	021.3		17.289.632.620.000	13.126.990.692.000
d.		<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4		4.040.258.200.000	4.497.203.630.000
e.		<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		575.168.430.000	842.524.150.000
2.		Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	31(g)	3.812.875.610.000	420.574.790.000
a.		<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		1.443.755.430.000	305.770.770.000
b.		<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2		2.369.120.180.000	114.804.020.000
3		Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	31(h)	506.608.860.000	1.057.676.880.000
5.		Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b	31(i)	858.240.000	858.240.000
7.		Tiền gửi của khách hàng	026		3.358.932.288.854	4.232.508.528.453
7.1.		<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	027	31(j)	2.910.908.869.249	3.897.146.498.014

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
7.1.a	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	027.1	31(j)	270.501.223.230	133.652.638.234
7.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	31(j)	171.589.439.729	192.365.811.559
7.4.	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	31(k)	5.932.756.646	9.343.580.646
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	31(l)	3.352.999.532.208	4.223.164.947.807
8.1.	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.1		3.307.745.085.493	4.169.044.841.594
8.2.	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.2		45.254.446.715	54.120.106.213
9.	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032	31(m)	5.807.238.364	9.218.062.364
12.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	31(n)	125.518.282	125.518.282

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:





Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		983.233.565.283	140.863.659.943
<i>a. Lãi từ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>	<i>32</i>	<i>970.676.311.987</i>	<i>130.371.121.731</i>
<i>b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>	<i>34</i>	<i>9.815.531.028</i>	<i>10.115.139.519</i>
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>35(a)</i>	<i>2.708.649.200</i>	<i>374.770.890</i>
<i>d. Chênh lệch giảm về đánh giá lại chứng quyền</i>	<i>01.4</i>	<i>34</i>	<i>33.073.068</i>	<i>2.627.803</i>
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	35(b)	181.719.364.918	180.795.295.137
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	35(c)	1.056.131.145.711	664.739.708.137
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	35(d)	174.889.281.414	149.791.280.718
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	36	628.154.571.742	614.616.030.508
1.7. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		200.000.000	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		28.817.061.958	21.420.350.180
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	37	25.597.143.800	17.213.525.000
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	38	41.625.341.201	26.518.904.285
Cộng doanh thu hoạt động	20		3.120.367.476.027	1.815.958.753.908
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		797.146.221.181	31.082.486.054
<i>a. Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.1</i>	<i>33</i>	<i>794.146.495.404</i>	<i>30.579.771.037</i>
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.2</i>	<i>34</i>	<i>(35.991.852)</i>	<i>(711.158.025)</i>
<i>c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.3</i>		<i>2.789.095.217</i>	<i>1.204.838.699</i>
<i>d. Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền</i>	<i>21.4</i>		<i>246.622.412</i>	<i>9.034.343</i>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
2.4.	24	39	43.620.280.002	7.494.275.464
2.6	26	40	15.632.447.259	25.632.759.929
2.7.	27	41	517.456.606.990	479.006.017.680
2.8	28		1.499.988	18.571.699
2.10.	30		23.368.751.698	20.241.000.641
2.11.	31		12.359.879.599	8.087.986.418
2.12.	32	42	211.599.987	(61.655.812)
Cộng chi phí hoạt động	40		1.409.797.286.704	571.501.442.073
III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1	41		102.414	168.000.000
3.2.	42		6.138.723.594	4.674.888.649
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		6.138.826.008	4.842.888.649
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1	51		10.553	2.827.138.486
4.2	52	43	541.247.874.447	369.768.492.617
Cộng chi phí tài chính	60		541.247.885.000	372.595.631.103

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		9.975.188.204	3.217.556.576
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	44	239.698.440.510	162.451.132.158
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 61 - 62)	70		925.787.501.617	711.035.880.647
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	45	4.860.628.403	5.591.876.492
8.2. Chi phí khác	72		4.079.085	480.967.426
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		4.856.549.318	5.110.909.066
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		930.644.050.935	716.146.789.713
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		921.006.077.399	705.326.898.709
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		9.637.973.536	10.819.891.004
X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	100		187.090.868.370	132.130.399.382
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	46	188.516.830.206	141.032.750.459
10.2. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	100.2	46	(1.425.961.836)	(8.902.351.077)

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
XI.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		743.553.182.565	584.016.390.331
XIII.	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500	47	698.939.991.611	548.975.406.911
					<i>(Điều chỉnh lại)</i>
13.1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	47	1.346	1.060

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:





Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN	01		930.644.050.935	716.146.789.713
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		467.806.712.026	203.064.654.471
- Khấu hao tài sản cố định	03		60.909.312.223	57.668.969.763
- Các khoản dự phòng	04		43.908.765.761	7.205.619.667
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		(91.861)	-
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	06		541.247.874.447	369.768.492.617
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(6.525.541.776)	(32.905.946)
- Dự thu tiền lãi	08		(171.733.606.768)	(231.545.521.630)
3. Tăng/(giảm) các chi phí phi tiền tệ	10		210.630.560	(702.123.682)
- Lỗ đánh giá lại giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11		210.630.560	(702.123.682)
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(9.848.604.096)	(10.117.767.322)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19		(9.848.604.096)	(10.117.767.322)
5. Thay đổi vốn lưu động	30		(5.466.242.609.056)	(4.660.074.733.777)
- Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL	31		(841.039.767.696)	1.499.400.141.383
- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(2.344.568.960.902)	(431.330.593.151)
- (Tăng)/giảm các khoản cho vay	33		(1.075.246.035.008)	(5.458.983.197.439)

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giảm/(tăng) tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34		(1.444.811.830.138)	128.412.895.626
- Giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		680.980.900.000	-
- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		178.182.935.103	160.510.533.957
- Giảm các khoản phải thu về các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		332.439.783	4.344.909.723
- Giảm các khoản phải thu khác	39		(2.149.821.068)	32.294.865.621
- (Tăng)/giảm các tài sản khác	40		2.263.653.828	(1.053.253.490)
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		33.650.356.687	6.922.725.003
- Tăng chi phí trả trước	42		16.709.782.051	18.417.235.222
- Thuế TNDN đã nộp	43		(151.903.676.615)	(152.703.874.612)
- Lãi vay đã trả	44		(494.937.451.882)	(337.806.960.611)
- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45		(4.756.830.945)	(15.071.979.540)
- Tăng/(giảm) các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		(103.355.800)	884.303.430
- Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		6.984.473.980	(5.664.316.889)
- Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48		(3.201.721.034)	566.938.886
- Giảm phải trả, phải nộp khác	50		(22.627.699.400)	(109.215.106.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(4.077.429.819.631)	(3.751.683.180.597)

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(9.801.226.425)	(73.089.860.121)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		386.818.182	66.462.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(9.414.408.243)	(73.023.397.973)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		1.686.988.200.000	-
3. Tiền vay gốc	73		38.636.046.556.035	52.639.893.836.214
3.2 Tiền vay khác	73.2		38.636.046.556.035	52.639.893.836.214
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(34.509.687.440.008)	(48.438.873.853.521)
4.3 Tiền chi trả gốc vay khác	74.3		(34.509.687.440.008)	(48.438.873.853.521)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(524.208.536.493)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		5.289.138.779.534	4.201.019.982.693
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90		1.202.294.551.660	376.313.404.123
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		571.249.283.464	194.935.879.341
Tiền	101.1		441.249.283.464	24.935.879.341
Các khoản tương đương tiền	101.2		130.000.000.000	170.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)	103	6	1.773.543.835.124	571.249.283.464
Tiền	103.1		1.749.543.835.124	441.249.283.464
Các khoản tương đương tiền	103.2		24.000.000.000	130.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	243.148.294.750.444	204.883.829.405.670
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(247.997.854.109.762)	(209.033.232.369.430)
7. Nhận/ (chi trả) tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	3.995.867.134.532	5.308.417.160.322
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(16.473.190.813)	(14.475.365.969)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	2.576.995.057.278	8.407.492.323.656
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(2.580.405.881.278)	(8.398.991.492.916)
Tăng tiền thuần trong năm	20	(873.576.239.599)	1.153.039.661.333
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	4.232.508.528.453	3.079.468.867.120
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	4.232.508.528.453	3.079.468.867.120
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	3.897.146.498.014	2.383.039.436.763
- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	32.1	133.652.638.234	275.108.866.747
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	192.365.811.559	420.477.813.704
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	9.343.580.646	842.749.906

	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	3.358.932.288.854	4.232.508.528.453
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	3.358.932.288.854	4.232.508.528.453
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	2.910.908.869.249	3.897.146.498.014
- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	42.1	270.501.223.230	133.652.638.234
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	171.589.439.729	192.365.811.559
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	5.932.756.646	9.343.580.646

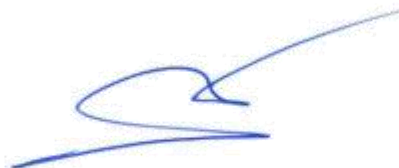
Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc



Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 - Mẫu B04 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
	1/1/2023	1/1/2024	Năm 2023		Năm 2024		31/12/2023	31/12/2024
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.805.177.668.400	4.375.946.418.400	570.768.750.000	-	1.686.998.101.273	-	4.375.946.418.400	6.062.944.519.673
1.1. Cổ phiếu phổ thông	3.805.931.180.000	4.376.699.930.000	570.768.750.000	-	1.351.429.880.000	-	4.376.699.930.000	5.728.129.810.000
1.2. Cổ phiếu quỹ	(753.511.600)	(753.511.600)	-	-	9.901.273	-	(753.511.600)	(743.610.327)
1.3. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	335.558.320.000	-	-	335.558.320.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	69.328.039.314	-	-	69.328.039.314	-	-	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	69.318.055.214	24.516.764.528	-	44.801.290.686	-	-	24.516.764.528	24.516.764.528
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.625.982.305	1.625.982.305	-	-	-	-	1.625.982.305	1.625.982.305
8. Lợi nhuận chưa phân phối	539.582.702.224	636.107.333.361	588.351.523.498	491.826.892.361	743.553.182.565	560.208.925.820	636.107.333.361	819.451.590.106
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	541.617.289.913	618.419.678.969	564.294.148.250	487.491.759.194	731.106.966.726	560.208.925.820	618.419.678.969	789.317.719.875
8.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	(2.034.587.689)	17.687.654.392	24.057.375.248	4.335.133.167	12.446.215.839	-	17.687.654.392	30.133.870.231
TỔNG CỘNG	4.485.032.447.457	5.038.196.498.594	1.159.120.273.498	605.956.222.361	2.430.551.283.838	560.208.925.820	5.038.196.498.594	6.908.538.856.612


Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần chứng khoán MB (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 01/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 1 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106393583 đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 24 tháng 1 năm 2025 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 9 tháng 12 năm 2013 và được sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 3 tháng 10 năm 2024. Cổ phiếu của Công ty (Mã cổ phiếu: MBS) được chính thức đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 16 tháng 3 năm 2016.

(b) Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 5.728.129.810.000 VND (31/12/2023: 4.376.699.930.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán, cho vay và cung cấp dịch vụ;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán; và
- Tự vấn đầu tư chứng khoán.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 636 nhân viên (31/12/2023: 615 nhân viên).

(e) Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 7 và 8, Tòa nhà MB, Số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) trụ sở chính và sáu (6) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng (31/12/2023: Công ty có một (1) trụ sở chính và sáu (6) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng).

(f) Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính. Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đem lại những lợi ích cốt lõi cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

(g) Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC (“Thông tư 121”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán. Theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Thông tư 121 và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

- Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; và
- Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều 28 của Thông tư 121. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%; và
- Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 của Thông tư 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Điểm e Khoản 4 Điều 28 của Thông tư 121.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 28 của Thông tư 121 tối đa trong thời hạn 01 năm.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, trừ các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (Thuyết minh 3(c)) và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (Thuyết minh 3(f)). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tài sản và nợ phải trả tài chính**(i) Ghi nhận**

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ): Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(e);
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: Xem Thuyết minh 3(f).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ tài sản tài chính này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ tài sản tài chính này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản tài chính này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Công ty đánh giá xem có bằng chứng khách quan nào cho thấy từng tài sản tài chính hoặc từng nhóm các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị. Một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính được xem là giảm giá trị nếu, và chỉ nếu, có bằng chứng khách quan về sự suy giảm, là hệ quả của một hoặc nhiều sự kiện đã xảy ra sau ghi nhận ban đầu của tài sản (một “sự kiện tổn thất” đã xảy ra) và ảnh hưởng của sự kiện tổn thất lên luồng tiền tương lai dự kiến của tài sản tài chính hoặc nhóm các tài sản tài chính có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các tài sản tài chính kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay*”.

Trong trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(b) Tiền và các khoản đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại mục “*Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính*”.

(c) Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/(lỗ). Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/(lỗ), nếu:
 - + Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - + Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - + Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ).

Các chứng khoán cơ sở là tài sản đảm bảo cho các chứng quyền mua có bảo đảm, được phân loại và ghi nhận ban đầu là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ).

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Mọi khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) được hạch toán vào lãi/(lỗ) của báo cáo kết quả hoạt động.

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ);
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính.

Các tài sản tài chính sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(e) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ);

- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng suy giảm giá trị của khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *“Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay”*.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục *“Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính”*.

(f) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ).

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán so với năm trước được thể hiện trên khoản mục *“Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán”* thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động và *“Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý”* trên báo cáo tình hình tài chính.

Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các tài sản tài chính này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính sẵn sàng để bán bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay*". Các khoản dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính sẵn sàng để bán phát sinh trước ngày có hiệu lực của Thông tư 210 sẽ ghi giảm dần vào báo cáo kết quả hoạt động khi các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được thanh lý.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các khoản đầu tư, khoản phải thu khoản đầu tư đến hạn, các khoản cam kết mua và bán lại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết... Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí hoạt động khác*" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được tính toán theo các tỷ lệ dự phòng dưới đây:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(h) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| • Máy móc thiết bị | 3 - 6 năm |
| • Phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 3 - 5 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định vô hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Phần mềm máy vi tính 2 - 5 năm

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**(i) Chứng quyền mua có bảo đảm**

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Chứng quyền mua có bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý là giá thị trường trên khoản mục “*Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán*”.

Các khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “*Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền*”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “*Chênh lệch giảm về đánh giá lại chứng quyền*”.

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

(ii) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Các quỹ dự trữ pháp định

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã sử dụng hết quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và một phần nguồn quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ để phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 30).

(m) Vốn cổ phần**(i) Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mức trích lập hàng năm do Đại hội đồng Cổ đông của Công ty quyết định và được ghi nhận trên khoản mục Nợ phải trả của Công ty.

(o) Doanh thu và thu nhập**(i) Lãi/(lỗ) từ bán các tài sản tài chính**

Lãi/(lỗ) từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ VSDC (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và thu nhập tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thường, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) và từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi cho vay hoạt động margin được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập tiền lãi hoạt động cho vay ứng trước tiền bán của khách hàng được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ kinh doanh chứng quyền có bảo đảm

Thu nhập từ chứng quyền mua có bảo đảm trong năm được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá mua và giá vốn bình quân của chứng quyền.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có đảm bảo đáo hạn ở trạng thái có lãi được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của chứng quyền và mức chênh giữa giá thanh toán và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm đáo hạn.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền mua có đảm bảo đáo hạn ở trạng thái lỗ hoặc hòa vốn bằng giá trị ghi sổ của các chứng quyền tương ứng.

(iv) Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(v) Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là các khoản phí, hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng, thường được tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành thành công. Các khoản doanh thu này được ghi nhận căn cứ theo thỏa thuận/biên bản thanh lý với Tổ chức phát hành chứng khoán.

(vi) Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

(vii) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(viii) Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và Thu nhập khác.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập trong năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm và do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 và Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính**(a) Tổng quan**

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau.

(x) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.773.543.835.124	571.249.283.464
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ)	(ii)	1.746.355.135.567	989.973.830.991
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(ii)	4.994.512.493.078	2.322.623.532.176
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(ii)	-	327.320.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(ii)	2.588.404.505.218	1.143.592.675.080
Các khoản cho vay	(iii)	10.293.729.065.183	9.218.483.030.175
Các khoản phải thu	(iii)	231.234.916.889	231.545.521.630
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(iii)	7.852.593.150	8.185.032.933
Các khoản phải thu khác	(iii)	4.537.982.300	6.141.214.423
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(iii)	15.090.000.000	15.090.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(iii)	2.514.566.867	1.370.526.750
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh	(iv)	10.170.880.596	10.150.580.580
		21.687.945.973.972	14.865.725.228.202

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - VSDC) về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán ("Quyết định 45"), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSDC về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ bù trừ (“Quyết định 97”), Quyết định số 145/QĐ-VSD ngày 4 tháng 8 năm 2017 của VSDC về sửa đổi quyết định 97 (“Quyết định 145”), và Quyết định số 115/QĐ-VSD ngày 9 tháng 9 năm 2022 của VSDC về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ bù trừ cho thị trường chứng khoán phái sinh tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“Quyết định 115”) thay thế Quyết định 97 và Quyết định 145, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại VSDC và hàng tháng VSDC sẽ thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ bù trừ của từng thành viên bù trừ căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác. Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ do định kỳ đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu.

(y) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền	Trong vòng	Trong vòng
	VND	theo hợp đồng	1 năm	2-5 năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	13.069.703.217.309	13.434.655.350.989	13.434.655.350.989	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	21.551.998.147	21.551.998.147	21.551.998.147	-
Phải trả người bán ngắn hạn	11.493.708.210	11.493.708.210	11.493.708.210	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền	Trong vòng	Trong vòng
		theo hợp đồng	1 năm	2-5 năm
	VND	VND	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	165.344.593.730	165.344.593.730	165.344.593.730	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)	1.061.355.556.681	1.286.539.909.563	74.516.400.000	1.212.023.509.563
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	14.530.406.797	14.530.406.797	14.530.406.797	-
	14.343.979.480.874	14.934.115.967.436	13.722.092.457.873	1.212.023.509.563
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền	Trong vòng	Trong vòng
		theo hợp đồng	1 năm	2-5 năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	9.598.508.546.852	9.756.281.602.261	9.756.281.602.261	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14.556.093.607	14.556.093.607	14.556.093.607	-
Phải trả người bán ngắn hạn	16.250.539.155	16.250.539.155	16.250.539.155	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	98.478.625.384	98.478.625.384	98.478.625.384	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)	406.191.111.111	524.856.813.151	29.628.800.000	495.228.013.151
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4.828.606.935	4.828.606.935	4.828.606.935	-
	10.138.813.523.044	10.415.252.280.493	9.920.024.267.342	495.228.013.151

- (*) Dòng tiền theo hợp đồng của các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành dài hạn không bao gồm dòng tiền từ dự thu lãi phải trả đến ngày kết thúc kỳ báo cáo liên quan tới các hợp đồng vay và phát hành trái phiếu, do khoản này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(z) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
<i>Tài sản tài chính ngắn hạn</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.773.543.835.124	571.249.283.464
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ)	1.746.355.135.567	989.973.830.991
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.994.512.493.078	2.322.623.532.176
Các khoản cho vay	10.293.729.065.183	9.218.483.030.175
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.588.404.505.218	1.143.592.675.080
<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	327.320.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
	21.416.545.034.170	14.593.242.351.886
<i>Nợ phải trả tài chính</i>		
Vay ngắn hạn	13.069.703.217.309	9.598.508.546.852
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.061.355.556.681	406.191.111.111
	14.131.058.773.990	10.004.699.657.963

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, mỗi thay đổi 1% lãi suất sẽ làm tăng 582.888.025 VND lợi nhuận sau thuế của Công ty (31/12/2023: 5.899.212.512 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(i) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết là 167.680.023.276 VND (31/12/2023: 48.629.197.276 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 3% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với tất cả các biến số khác không thay đổi có thể làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty tương ứng 4.024.320.559 VND (31/12/2023: giá trị thị trường của các chứng khoán tăng hoặc giảm 1%, tương ứng 389.033.578 VND).

5. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Môi giới và dịch vụ khách hàng, tự doanh, ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.713.102.779.411	1.339.842.211.615	25.797.143.800	52.624.795.612	3.131.366.930.438
Các chi phí trực tiếp	(540.825.358.688)	(856.398.948.442)	(12.361.379.587)	(215.679.072)	(1.409.801.365.789)
Chi phí tài chính	(296.104.952.483)	(231.587.922.904)	(4.458.963.076)	(9.096.046.537)	(541.247.885.000)
Chi phí bán hàng	(5.457.208.630)	(4.268.161.005)	(82.178.605)	(167.639.964)	(9.975.188.204)

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 - Mẫu B09 - CTCK*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024**

Chi phí quản lý công ty chứng khoán	(131.133.806.347)	(102.561.627.490)	(1.974.707.939)	(4.028.298.734)	(239.698.440.510)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	739.581.453.263	145.025.551.774	6.919.914.593	39.117.131.305	930.644.050.935

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	10.293.729.065.183	9.796.247.937.199	1.617.004.951	22.142.549.167	20.113.736.556.500
Tài sản phân bổ	1.104.082.764.632	863.518.938.238	16.626.078.825	33.916.312.860	2.018.144.094.555
	11.397.811.829.815	10.659.766.875.437	18.243.083.776	56.058.862.027	22.131.880.651.055
Nợ phải trả bộ phận	21.551.998.147	683.151.902.000	-	-	704.703.900.147
Nợ phải trả phân bổ	7.942.831.192.415	6.212.201.999.339	119.608.911.335	243.995.791.207	14.518.637.894.296
	7.964.383.190.562	6.895.353.901.339	119.608.911.335	243.995.791.207	15.223.341.794.443

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.300.776.088.825	471.450.235.798	17.213.525.000	36.953.669.426	1.826.393.519.049
Các chi phí trực tiếp	(499.247.018.321)	(64.209.521.447)	(8.106.558.117)	(419.311.614)	(571.982.409.499)
Chi phí tài chính	(265.366.407.997)	(96.178.778.729)	(3.511.666.103)	(7.538.778.274)	(372.595.631.103)
Chi phí bán hàng	(2.291.576.604)	(830.553.652)	(30.325.059)	(65.101.261)	(3.217.556.576)
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	(115.699.352.910)	(41.933.802.197)	(1.531.081.115)	(3.286.895.936)	(162.451.132.158)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	418.171.732.993	268.297.579.773	4.033.894.606	25.643.582.341	716.146.789.713

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Ngân hàng đầu tư	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	5.056.543.467.606	9.226.668.063.108	327.320.000.000	22.601.741.173	14.633.133.271.887
Tài sản phân bổ	178.625.179.847	492.843.878.663	6.521.937.557	14.001.172.014	691.992.168.081
	5.235.168.647.453	9.719.511.941.771	333.841.937.557	36.602.913.187	15.325.125.439.968
Nợ phải trả bộ phận	18.421.541.155	14.556.093.607	-	-	32.977.634.762
Nợ phải trả phân bổ	2.646.870.847.352	7.302.968.684.734	96.642.177.781	207.469.596.745	10.253.951.306.612
	2.665.292.388.507	7.317.524.778.341	96.642.177.781	207.469.596.745	10.286.928.941.374

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	1.749.543.835.124	441.249.283.464
Các khoản tương đương tiền	24.000.000.000	130.000.000.000
	1.773.543.835.124	571.249.283.464

7. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2024		Năm 2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty	497.285.911	46.723.622.437.449	154.984.100	10.588.836.080.000
<i>Cổ phiếu</i>	83.915.186	2.100.748.830.320	57.713.300	1.507.128.190.000
<i>Trái phiếu</i>	400.065.625	44.507.454.369.129	86.085.000	9.066.453.384.000
<i>Chứng khoán khác</i>	13.305.100	115.419.238.000	11.185.800	15.254.506.000
Của Nhà đầu tư	22.657.173.919	513.874.330.366.107	23.077.706.086	467.119.343.936.034
<i>Cổ phiếu</i>	21.511.871.987	500.224.345.514.208	22.467.735.080	426.862.872.799.822
<i>Trái phiếu</i>	45.873.955	12.649.189.577.509	34.060.768	39.689.112.596.722
<i>Chứng khoán khác</i>	1.099.427.977	1.000.795.274.390	575.910.238	567.358.539.490
		560.597.952.803.556		477.708.180.016.034

8. Các loại tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2024			31/12/2023		
	Giá trị thị trường/			Giá trị thị trường/		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết	157.455.739.208	167.680.023.276	167.680.023.276	46.392.093.894	48.629.197.276	48.629.197.276
Trái phiếu niêm yết	999.786.000.000	999.786.000.000	999.786.000.000	510.146.000.000	510.146.000.000	510.146.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	746.569.135.567	746.569.135.567	746.569.135.567	479.827.830.991	479.827.830.991	479.827.830.991
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	50.131.577.788	59.783.160.000	59.783.160.000	76.536.759.982	84.324.000.000	84.324.000.000
	1.953.942.452.563	1.973.818.318.843	1.973.818.318.843	1.112.902.684.867	1.122.927.028.267	1.122.927.028.267

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn	4.344.521.451.918	1.656.623.532.176
• Chứng chỉ tiền gửi	649.991.041.160	666.000.000.000
	4.994.512.493.078	2.322.623.532.176
Dài hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn	-	327.320.000.000
	4.994.512.493.078	2.649.943.532.176

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	10.119.783.948.884	(*)	8.519.473.810.403	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	173.945.116.299	(*)	699.009.219.772	(*)
	10.293.729.065.183		9.218.483.030.175	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(d) Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng suy giảm giá trị	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	117.975.345.153	(**)	82.554.833.496	35.420.511.657
Trái phiếu chưa niêm yết	1.987.835.612.518	1.987.835.612.518	15.845.872.480	1.971.989.740.038
Chứng chỉ tiền gửi	600.568.892.700	600.568.892.700	-	600.568.892.700
	2.706.379.850.371		98.400.705.976	2.607.979.144.395

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng suy giảm giá trị	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	117.975.345.153	(**)	82.554.833.496	35.420.511.657
Trái phiếu chưa niêm yết	1.037.177.490.180	1.037.177.490.180	-	1.037.177.490.180
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	106.415.184.900	106.415.184.900	-	106.415.184.900
	1.261.568.020.233		82.554.833.496	1.179.013.186.737

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 9.

(**) Tài sản tài chính này là chứng khoán vốn được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị do không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(e) Tình hình biến động giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	31/12/2024			Giá trị đánh giá lại/ Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tài sản tài chính FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	157.455.739.208	10.288.149.429	(63.865.361)	167.680.023.276
Trái phiếu niêm yết	999.786.000.000	-	-	999.786.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	746.569.135.567	-	-	746.569.135.567
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	50.131.577.788	9.651.582.212	-	59.783.160.000
	1.953.942.452.563	19.939.731.641	(63.865.361)	1.973.818.318.843
Tài sản tài chính AFS				
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	1.987.835.612.518	-	-	1.987.835.612.518
Chứng chỉ tiền gửi	600.568.892.700	-	-	600.568.892.700
	2.588.404.505.218	-	-	2.588.404.505.218
Tổng cộng	4.542.346.957.781	19.939.731.641	(63.865.361)	4.562.222.824.061

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	31/12/2023			Giá trị đánh giá lại/ Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	46.392.093.894	2.336.960.595	(99.857.213)	48.629.197.276
Trái phiếu niêm yết	510.146.000.000	-	-	510.146.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	479.827.830.991	-	-	479.827.830.991
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	76.536.759.982	7.787.240.018	-	84.324.000.000
	1.112.902.684.867	10.124.200.613	(99.857.213)	1.122.927.028.267
Tài sản tài chính AFS				
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	1.037.177.490.180	-	-	1.037.177.490.180
Chứng chỉ tiền gửi	106.415.184.900	-	-	106.415.184.900
	1.143.592.675.080	-	-	1.143.592.675.080
Tổng cộng	2.256.495.359.947	10.124.200.613	(99.857.213)	2.266.519.703.347

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 9.

(f) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2024			31/12/2023		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng suy giảm giá trị	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng suy giảm giá trị
	Đơn vị	VND	VND	Đơn vị	VND	VND
Tài sản tài chính AFS						
Cổ phiếu chưa niêm yết	6.355.517	117.975.345.153	(82.554.833.496)	6.355.517	117.975.345.153	(82.554.833.496)
<i>CTCP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước</i>	1.710.000	46.768.500.000	(28.899.000.000)	1.710.000	46.768.500.000	(28.899.000.000)
<i>TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam</i>	2.500.000	30.000.000.000	(16.750.000.000)	2.500.000	30.000.000.000	(16.750.000.000)
<i>CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi</i>	894.705	26.214.856.500	(26.214.856.500)	894.705	26.214.856.500	(26.214.856.500)
<i>CTCP công nghiệp cao su COECCO</i>	492.000	7.380.000.000	(4.182.000.000)	492.000	7.380.000.000	(4.182.000.000)
<i>Công ty cổ phần Viet Lotus</i>	457.300	4.573.000.000	(3.508.976.996)	457.300	4.573.000.000	(3.508.976.996)
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết khác</i>	301.512	3.038.988.653	(3.000.000.000)	301.512	3.038.988.653	(3.000.000.000)
Trái phiếu chưa niêm yết	6.530.709	1.987.835.612.518	(15.845.872.480)	6.267.875	1.037.177.490.180	-
		2.105.810.957.671	(98.400.705.976)		1.155.152.835.333	(82.554.833.496)

9. Các khoản phải thu

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	29.172.766.557	18.938.175.105
<i>Phải thu cổ tức</i>	<i>227.055.000</i>	<i>164.044.000</i>
<i>Phải thu lãi cho vay margin</i>	<i>28.945.711.557</i>	<i>18.774.131.105</i>
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	202.062.150.332	212.607.346.525
<i>Dự thu lãi trái phiếu</i>	<i>142.787.895.211</i>	<i>78.772.936.410</i>
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>59.274.255.121</i>	<i>133.834.410.115</i>
	231.234.916.889	231.545.521.630

10. Trả trước cho người bán

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học và Công nghệ - MITEC	3.587.892.000	3.587.892.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	1.983.680.000	1.983.680.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Nam Giang	803.634.308	507.123.408
Các công ty khác	1.854.530.208	1.165.560.173
	8.229.736.516	7.244.255.581

11. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	7.614.000.000	7.961.500.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	113.204.033	112.034.535
Phải thu dịch vụ khác	125.389.117	111.498.398
	7.852.593.150	8.185.032.933

12. Các khoản phải thu khác

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phí quản lý tài sản chứng khoán phái sinh	131.872.030	121.384.763
Treo phí giao dịch	2.810.082.529	5.133.758.873
Phải thu khác	1.596.027.741	886.070.787
	4.537.982.300	6.141.214.423

13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu.

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Dự phòng phải thu các dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp	6.235.588.199	5.928.988.212
Dự phòng suy giảm giá trị phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi	35.296.936.006	7.522.528.484
Dự phòng phải thu khác	-	18.114.228
	41.532.524.205	13.469.630.924

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	13.469.630.924	6.235.758.253
Trích lập dự phòng trong năm	28.081.007.509	7.460.872.671
Xử lý khoản phải thu tổn thất bằng nguồn dự phòng trong năm	(18.114.228)	(227.000.000)
Số dư cuối năm	41.532.524.205	13.469.630.924

14. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	20.182.800	20.182.800
Chi phí lắp đặt sửa chữa chò phân bổ	818.861.055	12.528.628
Công cụ dụng cụ chò phân bổ	2.553.775	6.960.439
Chi phí trả trước khác	1.490.262.379	1.809.320.922
	2.331.860.009	1.848.992.789

15. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

(a) Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Đặt cọc khác	15.090.000.000	15.090.000.000

(b) Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng dài hạn	2.358.116.867	1.276.076.750
Ký cược ký quỹ dài hạn khác	156.450.000	94.450.000
	2.514.566.867	1.370.526.750

16. Tài sản cố định hữu hình

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	294.693.828.099	5.087.478.635	9.031.487.555	308.812.794.289
Mua trong năm	44.841.425	5.435.320.000	326.826.000	5.806.987.425
Thanh lý	-	(1.146.800.000)	-	(1.146.800.000)
Số dư cuối năm	294.738.669.524	9.375.998.635	9.358.313.555	313.472.981.714
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	135.247.163.705	3.442.509.272	7.710.453.651	146.400.126.628
Khấu hao trong năm	39.301.874.793	1.271.383.171	926.790.709	41.500.048.673
Thanh lý	-	(1.146.800.000)	-	(1.146.800.000)
Số dư cuối năm	174.549.038.498	3.567.092.443	8.637.244.360	186.753.375.301
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	159.446.664.394	1.644.969.363	1.321.033.904	162.412.667.661
Số dư cuối năm	120.189.631.026	5.808.906.192	721.069.195	126.719.606.413

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 72.289.168.312 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2023: 64.010.289.252 VND).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	230.543.287.308	5.673.570.635	8.799.818.883	245.016.676.826
Mua trong năm	64.580.388.121	-	323.972.000	64.904.360.121
Thanh lý	(429.847.330)	(586.092.000)	(92.303.328)	(1.108.242.658)
Số dư cuối năm	294.693.828.099	5.087.478.635	9.031.487.555	308.812.794.289
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	100.175.293.058	3.281.522.524	6.122.075.205	109.578.890.787
Khấu hao trong năm	35.501.717.977	726.911.444	1.667.292.876	37.895.922.297
Thanh lý	(429.847.330)	(565.924.696)	(78.914.430)	(1.074.686.456)
Số dư cuối năm	135.247.163.705	3.442.509.272	7.710.453.651	146.400.126.628
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	130.367.994.250	2.392.048.111	2.677.743.678	135.437.786.039
Số dư cuối năm	159.446.664.394	1.644.969.363	1.321.033.904	162.412.667.661

17. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	105.202.602.066	97.212.152.066
Tăng trong năm	3.994.239.000	8.185.500.000
Xóa sổ	(6.151.610.000)	(195.050.000)
Số dư cuối năm	103.045.231.066	105.202.602.066
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	60.828.362.830	41.250.365.364
Khấu hao trong năm	19.409.263.550	19.773.047.466
Xóa sổ	(6.151.610.000)	(195.050.000)
Số dư cuối năm	74.086.016.380	60.828.362.830
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	44.374.239.236	55.961.786.702
Số dư cuối năm	28.959.214.686	44.374.239.236

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 37.829.839.737 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2023: 23.119.804.361 VND).

18. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Chi phí thuê nhà dài hạn	45.536.196.372	46.838.905.596
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ dài hạn	8.004.013.237	16.209.968.721
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	2.149.989.022	4.919.386.188
Chi phí đồng phục dài hạn	25.435.523	1.602.341.317
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.751.290.714	7.088.972.317
	59.466.924.868	76.659.574.139

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	14.409.141.914	11.066.329.278
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	12.773.072	19.971.443
Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	43.991.177	1.281.308
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.465.906.163	11.087.582.029

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(3.987.946.328)	(2.024.840.123)
Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	(10.743.907)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.987.946.328)	(2.035.584.030)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	10.477.959.835	9.051.997.999

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

Năm 2024

	01/01/2024	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	55.331.646.387	16.714.063.180	72.045.709.567
Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(53.719.534)	53.719.534	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	99.857.213	(35.991.852)	63.865.361
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(10.124.200.613)	(9.815.531.028)	(19.939.731.641)
Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	6.406.540	213.549.344	219.955.884
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	45.259.989.993	7.129.809.178	52.389.799.171

Năm 2023

	01/01/2023	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-	55.331.646.387	55.331.646.387
Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(53.719.534)	-	(53.719.534)
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	811.015.238	(711.158.025)	99.857.213
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(9.061.094)	(10.115.139.519)	(10.124.200.613)
Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	-	6.406.540	6.406.540
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	748.234.610	44.511.755.383	45.259.989.993

20. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại VSDC.

Theo Quyết định 45, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

21. Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định 97, Quyết định 145 và Quyết định 115, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại VSDC và hàng tháng VSDC sẽ thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ bù trừ của từng thành viên bù trừ căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác. Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ do định kỳ đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.150.580.580	10.130.180.734
Lãi trong năm	20.300.016	20.399.846
Số dư cuối năm	10.170.880.596	10.150.580.580

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2024	Biến động trong năm		31/12/2024
	Giá trị ghi sổ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng (*)	6.901.145.700.000	24.497.250.000.000	(21.048.845.700.000)	10.349.550.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác (**)	2.697.362.846.852	13.483.632.110.465	(13.460.841.740.008)	2.720.153.217.309
	9.598.508.546.852	37.980.882.110.465	(34.509.687.440.008)	13.069.703.217.309

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 1 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 2,4%/năm đến 6,5%/năm (năm 2023: 2,4%/năm đến 6,5%/năm) cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng.

(**) Các khoản vay ngắn hạn các đối tượng khác là các khoản vay ngắn hạn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế thông qua hợp đồng vay tài sản có thời hạn từ 1 đến 6 tháng với lãi suất từ 2,6%/năm đến 6,0%/năm (năm 2023: 2,0%/năm đến 9,5%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 31 tháng 12 năm 2023, các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

23. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	11.545.045.408	12.614.087.776
Phải trả VSDC	1.980.399.739	1.725.977.831
Phải trả chứng quyền	8.026.553.000	216.028.000
	21.551.998.147	14.556.093.607

24. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả hoa hồng dịch vụ phát triển kinh doanh	6.131.036.806	6.117.224.218
Phải trả nhà cung cấp khác	5.362.671.404	10.133.314.937
	11.493.708.210	16.250.539.155

25. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Khách hàng ứng trước tiền mua giấy tờ có giá	680.980.900.000	-
Các khoản ứng trước khác	2.171.002.000	2.171.002.000
	683.151.902.000	2.171.002.000

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	665.817.542	179.119.059
Thuế TNDN	87.275.739.781	50.662.586.190
Thuế thu nhập cá nhân	31.262.078.584	25.681.797.442
Các loại thuế khác	1.106.875.338	189.380.983
	120.310.511.245	76.712.883.674

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	1/1/2024		Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VND	VND			VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	179.119.059	4.609.215.001	4.122.516.518	-	665.817.542
Thuế TNDN	-	50.662.586.190	188.516.830.206	151.903.676.615	-	87.275.739.781
Thuế thu nhập cá nhân	17.529.222	25.681.797.442	396.381.199.258	390.800.918.116	17.529.222	31.262.078.584
Các loại thuế khác	-	189.380.983	7.317.580.675	6.400.086.320	-	1.106.875.338
	17.529.222	76.712.883.674	596.824.825.140	553.227.197.569	17.529.222	120.310.511.245

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	1/1/2023		Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VND	VND			VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	228.202.561	2.813.362.926	2.862.446.428	-	179.119.059
Thuế TNDN	-	62.333.710.343	141.032.750.459	152.703.874.612	-	50.662.586.190
Thuế thu nhập cá nhân	508.217.215	31.074.482.482	327.237.980.270	332.139.977.317	17.529.222	25.681.797.442
Các loại thuế khác	-	411.929.330	6.373.922.918	6.596.471.265	-	189.380.983
	508.217.215	94.048.324.716	477.458.016.573	494.302.769.622	17.529.222	76.712.883.674

27. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Dự trả lãi trái phiếu phát hành	9.305.139.783	1.781.070.688
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	30.562.443.076	8.970.692.056
Dự trả lãi vay các khách hàng cá nhân và tổ chức khác	36.156.506.192	32.056.714.648
Dự chi lương doanh thu cho cán bộ nhân viên hỗ trợ	72.580.968.056	42.226.582.190
Chi phí phải trả khác	16.739.536.623	13.443.565.802
	165.344.593.730	98.478.625.384

28. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả cổ tức	3.438.378.157	-
Phải trả lãi cho vay margin	2.472.912.217	-
Phải trả thưởng kinh doanh Ban Điều hành	5.893.826.546	-
Các khoản phải trả khác	2.725.289.877	4.828.606.935
	14.530.406.797	4.828.606.935

29. Trái phiếu phát hành dài hạn

Năm phát hành	Lô	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
2023	Lô 1	7,60%	2027	156.300.000.000	156.300.000.000
2023	Lô 2	7,10%	2027	250.000.000.000	250.000.000.000
Chi phí phát hành				(42.138.889)	(108.888.889)
2024	Lô 1	6,80%	2028	355.700.000.000	-
2024	Lô 2	6,90%	2027	300.000.000.000	-
Chi phí phát hành				(602.304.430)	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)				1.061.355.556.681	406.191.111.111

(*) Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm.

29. Trái phiếu phát hành dài hạn

Năm phát hành	Lô	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
2023	Lô 1	7,60%	2027	156.300.000.000	156.300.000.000
2023	Lô 2	7,10%	2027	250.000.000.000	250.000.000.000
Chi phí phát hành				(42.138.889)	(108.888.889)
2024	Lô 1	6,80%	2028	355.700.000.000	-
2024	Lô 2	6,90%	2027	300.000.000.000	-
Chi phí phát hành				(602.304.430)	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)				1.061.355.556.681	406.191.111.111

(*) Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm.

30. Vốn chủ sở hữu

(a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 - Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	3.805.931.180.000	-	(753.511.600)	69.328.039.314	69.318.055.214	1.625.982.305	539.582.702.224	4.485.032.447.457
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	584.016.390.331	584.016.390.331
Phát hành cổ phiếu thưởng	570.768.750.000	-	-	(69.328.039.314)	(44.801.290.686)	-	(456.639.420.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(30.852.339.194)	(30.852.339.194)
Số dư tại ngày 31/12/2023	4.376.699.930.000	-	(753.511.600)	-	24.516.764.528	1.625.982.305	636.107.333.361	5.038.196.498.594
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	743.553.182.565	743.553.182.565
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	9.901.273	-	-	-	-	9.901.273
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(525.167.942.400)	(525.167.942.400)
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	1.094.099.880.000	-	-	-	-	-	-	1.094.099.880.000
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	257.330.000.000	335.558.320.000	-	-	-	-	-	592.888.320.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	-	(35.040.983.420)	(35.040.983.420)
Số dư tại ngày 31/12/2024	5.728.129.810.000	335.558.320.000	(743.610.327)	-	24.516.764.528	1.625.982.305	819.451.590.106	6.908.538.856.612

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông ngày 28 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023 với số tiền là 35.040.983.420 VND (31/12/2023: 30.852.339.194 VND).

(b) Cổ phiếu

	31/12/2024	31/12/2023
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	572.812.981	437.669.993
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	572.812.981	437.669.993
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	572.812.981	437.669.993
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>572.812.981</i>	<i>437.669.993</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	(30.041)	(30.441)
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>(30.041)</i>	<i>(30.441)</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(30.041)</i>	<i>(30.441)</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	572.782.940	437.639.552
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>572.782.940</i>	<i>437.639.552</i>

31. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	9.883.660.000	9.883.660.000

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Nợ khó đòi từ các hợp đồng có cam kết mua bán lại	41.316.603.188	42.037.522.648
Nợ khó đòi cho dịch vụ tài chính niêm yết	144.197.266.707	146.141.148.243
Nợ khó đòi cho dịch vụ tài chính khác	168.105.846.645	168.499.244.421
Nợ khó đòi đã xử lý khác	170.151.343.057	179.578.419.106
	523.771.059.597	536.256.334.418

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Ngoại tệ bằng JPY		
<i>Nguyên tệ</i>	780	780
<i>Giá trị quy đổi</i>	129.574	123.243
Ngoại tệ bằng USD		
<i>Nguyên tệ</i>	88	88
<i>Giá trị quy đổi</i>	2.248.488	2.148.960

(d) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của công ty chứng khoán

	31/12/2024	31/12/2023
	Mệnh giá	Mệnh giá
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	2.025.228.020.000	528.405.960.000
Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	13.063.050.000	13.063.050.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.000.068.000.000	14.000.000
	3.038.359.070.000	541.483.010.000

(e) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán	60.545.580.000	60.545.580.000

(f) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch VSDC của nhà đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	30.428.360.868.000	23.569.969.732.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	737.526.900.000	356.113.530.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	17.289.632.620.000	13.126.990.692.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	4.040.258.200.000	4.497.203.630.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	575.168.430.000	842.524.150.000
	53.070.947.018.000	42.392.801.734.000

(g) Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.443.755.430.000	305.770.770.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	2.369.120.180.000	114.804.020.000
	3.812.875.610.000	420.574.790.000

(h) Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư trong nước	506.403.860.000	1.057.546.880.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư nước ngoài	205.000.000	130.000.000
	506.608.860.000	1.057.676.880.000

(i) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
	Số lượng	Số lượng
	chứng khoán	chứng khoán
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư trong nước	858.240.000	858.240.000

(j) Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	2.910.908.869.249	3.897.146.498.014
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>2.749.604.003.759</i>	<i>3.727.723.023.205</i>
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>42.126.099.377</i>	<i>54.344.057.111</i>
<i>Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư để theo dõi tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư</i>	<i>119.178.766.113</i>	<i>115.079.417.698</i>
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	270.501.223.230	133.652.638.234
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	171.589.439.729	192.365.811.559
	3.352.999.532.208	4.223.164.947.807

(k) Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	5.807.238.364	9.218.062.364
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	125.518.282	125.518.282
	5.932.756.646	9.343.580.646

(l) Phải trả của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	3.307.745.085.493	4.169.044.841.594
<i>Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	45.254.446.715	54.120.106.213
	3.352.999.532.208	4.223.164.947.807

(m) Phải trả của Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	-	9.202.476.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10.953.000	10.953.000
Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên	488.085	488.085
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	5.795.797.279	4.145.279
	5.807.238.364	9.218.062.364

(n) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	125.518.282	125.518.282

32. Lãi từ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	36.642.015	890.171.230.750	832.243.113.512	57.928.117.238
Chứng chỉ tiền gửi	584.184.800	69.178.095.341.109	68.279.875.985.069	898.219.356.040
Trái phiếu niêm yết	58.899.000	6.382.619.221.000	6.380.483.644.327	2.135.576.673
Trái phiếu chưa niêm yết	9.695	384.042.652.455	376.619.254.216	7.423.398.239
Chứng quyền có bảo đảm	3.281.100	2.439.900.910	1.900.369.000	539.531.910
Đáo hạn chứng quyền	4.685.600	-	-	670.544.081
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	2.070.000	30.164.970.000	26.405.182.194	3.759.787.806
	689.772.210	76.867.533.316.224	75.897.527.548.318	970.676.311.987

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	15.750.212	389.433.357.600	373.222.200.034	16.211.157.566
Chứng chỉ tiền gửi	572.177.881	75.898.880.495.456	75.810.844.395.859	88.036.099.597
Trái phiếu niêm yết	5.680.000	579.241.060.000	574.685.053.334	4.556.006.666

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 - Mẫu B09 - CTCK*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024**

Trái phiếu chưa niêm yết	5.118.072	1.751.131.921.606	1.731.937.864.062	19.194.057.544
Chứng quyền có bảo đảm	2.540.200	3.512.875.856	3.184.358.000	328.517.856
Đáo hạn chứng quyền	403.200	-	-	263.985.527
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	1.839.370	25.244.536.993	23.463.240.018	1.781.296.975
	603.508.935	78.647.444.247.511	78.517.337.111.307	130.371.121.731

33. Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL**Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lỗ bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	4.199.226	147.461.018.461	152.967.957.535	5.506.939.074
Chứng chỉ tiền gửi	522.486.317	52.128.948.808.579	52.912.622.243.666	783.673.435.087
Trái phiếu niêm yết	134.000.000	15.056.824.510.000	15.061.672.182.673	4.847.672.673
Trái phiếu chưa niêm yết	26	2.628.725.480	2.664.210.603	35.485.123
Chứng quyền có bảo đảm	1.103.000	1.323.844.802	1.399.879.000	76.034.198
Đáo hạn chứng quyền	231.400	-	-	6.929.249
	662.019.969	67.337.186.907.322	68.131.326.473.477	794.146.495.404

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lỗ bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	11.812.500	329.650.540.000	341.587.534.193	11.936.994.193
Chứng chỉ tiền gửi	18.995.287	3.241.553.093.892	3.249.923.237.503	8.370.143.611
Trái phiếu niêm yết	34.860.000	3.698.374.560.000	3.703.488.526.666	5.113.966.666
Trái phiếu chưa niêm yết	1.700.085	173.983.642.321	178.767.757.545	4.784.115.224
Chứng quyền có bảo đảm khác	2.717.800	3.647.389.762	3.978.615.000	331.225.238
Đáo hạn chứng quyền	52.100	-	-	43.326.105
	70.137.772	7.447.209.225.975	7.477.745.670.907	30.579.771.037

34. Chênh lệch từ đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)							
Cổ phiếu niêm yết	157.455.739.208	167.680.023.276	10.224.284.068	2.237.103.382	7.987.180.686	7.951.188.834	35.991.852
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	50.131.577.788	59.783.160.000	9.651.582.212	7.787.240.018	1.864.342.194	1.864.342.194	-
Chứng chỉ tiền gửi	746.569.135.567	746.569.135.567	-	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	999.786.000.000	999.786.000.000	-	-	-	-	-
	1.953.942.452.563	1.973.818.318.843	19.875.866.280	10.024.343.400	9.851.522.880	9.815.531.028	35.991.852

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)							
Cổ phiếu niêm yết	46.392.093.894	48.629.197.276	2.237.103.382	(40.542.265)	2.277.645.647	2.327.899.501	(50.253.854)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	76.536.759.982	84.324.000.000	7.787.240.018	(761.411.879)	8.548.651.897	7.787.240.018	761.411.879
Chứng chỉ tiền gửi	479.827.830.991	479.827.830.991	-	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	510.146.000.000	510.146.000.000	-	-	-	-	-
	1.112.902.684.867	1.122.927.028.267	10.024.343.400	(801.954.144)	10.826.297.544	10.115.139.519	711.158.025

35. Lãi từ các tài sản tài chính

(a) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Cổ tức	2.708.649.200	374.770.890

(b) Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn	146.315.985.194	130.740.500.606
Thu nhập lãi chứng chỉ tiền gửi	35.403.379.724	50.054.794.531
	181.719.364.918	180.795.295.137

(c) Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	1.009.283.368.263	629.017.028.677
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	46.847.777.448	35.722.679.460
	1.056.131.145.711	664.739.708.137

(d) Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ cổ tức	5.752.396.232	2.090.553.055
Thu nhập lãi trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi	164.246.650.848	144.805.790.950
Lãi bán cổ phiếu	4.890.234.334	2.894.936.713
	174.889.281.414	149.791.280.718

36. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	609.443.022.042	600.647.888.508
Doanh thu phí môi giới chứng khoán phái sinh	18.711.549.700	13.968.142.000
	628.154.571.742	614.616.030.508

37. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.185.000.000	4.527.500.000
Doanh thu thu xếp phát hành trái phiếu	21.412.143.800	12.686.025.000
	25.597.143.800	17.213.525.000

38. Thu nhập hoạt động khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê sử dụng tài sản	-	1.409.404.049
Thu nhập phí chuyển nhượng	267.672.566	1.010.123.693
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc cho vay ứng trước tiền bán	34.722.025.948	15.952.797.751
Doanh thu dịch vụ khác	6.635.642.687	8.146.578.792
	41.625.341.201	26.518.904.285

39. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí dự phòng phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính AFS	27.774.407.522	7.494.275.464
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	15.845.872.480	-
	43.620.280.002	7.494.275.464

40. Chi phí hoạt động tự doanh

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí tiền lương và chi phí khác cho nhân viên	7.005.618.678	7.963.011.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.853.664.964	3.026.959.417
Chi phí khác	6.773.163.617	14.642.788.709
	15.632.447.259	25.632.759.929

41. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	145.710.823.602	123.930.915.299
Chi phí tiền lương và các chi phí khác cho nhân viên	177.298.339.694	200.469.106.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.417.710.573	43.956.352.151
Chi phí lương kinh doanh cộng tác viên kinh doanh và các khoản chi khác	145.015.088.331	110.599.575.140
Chi phí sửa lỗi giao dịch, lỗi khác hoạt động môi giới	14.644.790	50.068.187
	517.456.606.990	479.006.017.680

42. Chi phí các hoạt động khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ kinh doanh chứng khoán	211.599.987	(61.655.812)

43. Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	468.655.656.501	351.427.750.587
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	59.497.407.040	12.160.304.114
Chi phí hoa hồng bán trái phiếu và huy động vốn	13.094.810.906	6.180.437.916
	541.247.874.447	369.768.492.617

44. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi	155.469.741.557	69.343.773.419
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	3.746.172.500	3.532.321.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.187.232.889	2.242.538.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.609.079.972	30.109.251.766
Chi phí thuế, phí, lệ phí	83.209.740	57.872.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.246.234.914	27.561.244.006
Chi phí dự phòng	95.000.000	-
Chi phí khác	39.261.768.938	29.604.130.423
	239.698.440.510	162.451.132.158

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

45. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ	4.057.148.560	4.044.176.036
Thu tiền được phạt vi phạm hợp đồng	-	363.048.979
Thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	386.818.182	247.886.942
Thu nhập khác	416.661.661	936.764.535
	4.860.628.403	5.591.876.492

46. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	188.516.830.206	141.032.750.459
Năm hiện hành	188.516.830.206	141.019.690.459
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	13.060.000
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.425.961.836)	(8.902.351.077)
	187.090.868.370	132.130.399.382

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	930.644.050.935	716.146.789.713
Điều chỉnh cho các khoản		
Chi phí không được khấu trừ thuế	13.325.158.296	7.383.738.344
Thu nhập từ cổ tức	(8.461.045.432)	(2.465.323.945)
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	(60.478.507.209)
Điều chỉnh khác	(53.821.950)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	935.454.341.849	660.586.696.903
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	187.090.868.370	132.117.339.382
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	13.060.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	187.090.868.370	132.130.399.382

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

47. Lãi trên cổ phiếu***Lãi cơ bản trên cổ phiếu***

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	743.553.182.565	584.016.390.331
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(44.613.190.954)	(35.040.983.420)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	698.939.991.611	548.975.406.911

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty ước tính rằng số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ hiện hành bằng 6% lợi nhuận sau thuế năm 2024.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2023
		(Điều chỉnh lại)	(Theo báo cáo trước đây)
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	437.639.552	380.562.677	380.562.677
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	-	57.076.875	57.076.875
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ	298	-	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2024	80.071.253	80.071.253	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong năm 2024	1.617.101	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	519.328.204	517.710.805	437.639.552

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023 (Điều chỉnh lại)	Năm 2023 (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.346	1.060	1.254

(d) Điều chỉnh lại số cổ phiếu bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023

Trong năm 2024, Công ty đã phát hành 109.409.988 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với giá là 10.000 VND/cổ phiếu, thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu đang lưu hành. Do đó, đây được coi là có yếu tố thưởng trong việc phát hành cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của năm 2023 được điều chỉnh lại để tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2023 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	437.639.552	1.254
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2024	80.071.253	(194)
	517.710.805	1.060

48. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan

Ngân hàng TMCP Quân đội
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản
 Ngân hàng TMCP Quân đội
 Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas
 Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội
 Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei
 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, và giá trị các giao dịch trong cho ngày 31 tháng 12 năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
	Phải thu/(Phải trả)	
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Tiền gửi thanh toán	1.636.801.278.124	423.778.302.158
Tiền gửi có kỳ hạn	757.000.000.000	942.320.000.000
Lãi dự thu tiền gửi	3.223.553.428	53.880.051.717
Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	242.856.386.672	1.347.587.784.445

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 - Mẫu B09 - CTCK*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024**

Phải thu phí quản lý tài sản trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng	91.132.325	91.132.325
Phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc cho vay ứng trước tiền bán	(1.030.637.741)	(506.994.460)
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội		
Đặt cọc thuê văn phòng	1.951.096.628	909.270.500
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội		
Phải trả phí tư vấn	(100.000.000)	-
Công Ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.977.300	16.532.040
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei		
Phải trả tiền vay	(133.000.000.000)	-
Lãi dự trả tiền vay	(2.960.616.439)	-
Phải trả khác	(52.272.737)	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Phải thu phí duy trì tài khoản	42.427	-
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	753.100	-

Năm 2024 **Năm 2023**

VND **VND**

Giao dịch

Ngân hàng TMCP Quân đội

Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	33.827.749.464	58.983.428.818
Thu nhập phí quản lý cổ đông	604.838.709	450.000.000
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc cho vay ứng trước tiền bán	34.722.025.948	15.952.797.751
Thu nhập cho thuê văn phòng	-	923.967.931
Thu nhập phí giao dịch	1.220.298.286	183.587.400
Thu nhập phí tư vấn phát hành trái phiếu	1.827.276.800	-
Trả cổ tức bằng tiền	418.754.654.400	-

Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản

Ngân hàng TMCP Quân đội

Chi phí tiền điện và thuê văn phòng	(30.281.693.743)	(18.839.015.005)
-------------------------------------	------------------	------------------

Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 - Mẫu B09 - CTCK*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024**

Thu nhập phí đại lý lưu ký và thanh toán trái phiếu	27.272.724	-
Chi phí lãi chứng chỉ tiền gửi	(113.013.699)	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB		
Thu nhập phí dịch vụ lưu ký, phí duy trì tài khoản và phí chuyển khoản giao dịch chứng khoán	317.447.107	74.203.884
Thu nhập phí duy trì tài khoản	147.657	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội		
Chi phí bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe	(1.751.123.494)	(1.028.165.457)
Thù lao và tiền lương của người quản lý chủ chốt		
Thành viên hội đồng quản trị		
Thù lao	1.884.000.000	1.924.000.000
Ông Lê Viết Hải – Chủ tịch	780.000.000	780.000.000
Ông Phan Phương Anh – Phó chủ tịch	312.000.000	280.000.000
Ông Vũ Thành Trung – Phó chủ tịch	-	104.000.000
Ông Phạm Thế Anh – Thành viên HĐQT độc lập	360.000.000	240.000.000
Bà Trần Thị Kim Thanh – Thành viên HĐQT độc lập	-	160.000.000
Bà Nguyễn Minh Hằng – Thành viên	216.000.000	216.000.000
Ông Phạm Xuân Thanh – Thành viên	216.000.000	144.000.000
Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban điều hành		
Tiền lương	8.621.150.455	9.375.568.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Ban Kiểm soát

Tiền lương	1.368.000.000	1.368.000.000
------------	---------------	---------------

49. Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Đến 1 năm	22.422.348.443	24.734.229.014
Từ 1 đến 5 năm	15.663.879.343	20.993.486.402
	38.086.227.786	45.727.715.416

50. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.

51. Phê duyệt báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 14 tháng 2 năm 2025.

Ngày 14 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

